

Tổ Chức Lao động Quốc tế

Hãy làm việc cùng nhau vì sự toàn

Những điểm gợi ý cho việc thực hiện văn hoá về an toàn tại nơi làm việc toàn cầu

Báo cáo của ILO nhân ngày Thế giới về An toàn và Vệ sinh tại Nơi làm việc
Giơ-ne-vơ, 2003

Văn phòng Lao động Quốc tế Giơ-ne-vơ

Copyright © International Labour Organization 2003

Các ấn phẩm của Tổ chức Lao động Quốc tế được hưởng quy chế bản quyền theo Nghị định thư số 2 của Công ước Bản quyền Thế giới. Tuy nhiên, một số trích đoạn ngắn từ những ấn phẩm này có thể được tái sử dụng mà không cần xin phép với điều kiện phải nêu rõ nguồn trích dẫn. Mọi hoạt động tái xuất bản hoặc biên dịch toàn bộ ấn phẩm này phải được Phòng Xuất bản (Quyền và Giấy phép). Văn phòng Lao động Quốc tế, CH-1211, Geneva 22, Thụy Sĩ thông qua. Văn phòng Lao động Quốc tế, CH-1211 Geneva

22, Thụy sĩ thông qua. Văn phòng Lao động Quốc tế sẵn sàng tiếp nhận các yêu cầu xin cấp phép. Các thư viện, các viện và những người sử dụng khác đăng ký tại Vương Quốc Anh với Cơ quan Cấp phép Bản Quyền tại địa chỉ 90 Tottenham Court Road, London W1T 4LP [Fax: (+44) (0)20 7631 5500; email: cla@cla.co.uk], tại Mỹ với Trung tâm Kiểm định Bản Quyền, địa chỉ, 222 Rosewood Drive, Danvers, MA 01923 [Fax: (+1) (978) 750 4470; email: info@copyright.com] hoặc tại các nước khác có liên kết với Tổ chức Quyền Tái bản, có thể photo tài liệu này phù hợp với những giấy phép của họ.

Xuất bản lần đầu năm 2003

Các chỉ định trong các ấn phẩm tuân theo quy định của Liên Hiệp Quốc và không có ý thể hiện bất cứ quan điểm nào của Văn phòng Lao động Quốc tế về quy chế pháp lý hoặc ranh giới lãnh thổ của bất cứ quốc gia, khu vực, lãnh thổ hoặc chính quyền nào.

Các tác giả chịu trách nhiệm hoàn toàn về các ý kiến thể hiện trong các bài viết, nghiên cứu và trong tài liệu liên quan. Ấn phẩm này không phải là sự xác nhận của Văn phòng Lao động Quốc tế về các quan điểm thể hiện trong đó.

Những dẫn chứng về tên công ty, sản phẩm và quy trình thương mại không ngụ ý thể hiện sự xác nhận của Văn phòng Lao động Quốc tế. Bất cứ công ty, sản phẩm hoặc quy trình thương mại nào không được nêu trong ấn phẩm cũng không nhằm thể hiện sự phản đối của Văn phòng Lao động Quốc tế

Các ấn phẩm của ILO hiện có ở các cửa hàng sách hoặc tại các Văn phòng ILO ở các nước, hoặc trực tiếp tại Phòng Xuất Bản của ILO, Văn phòng Lao động Quốc tế, CH-1211, Geneva 22, Thụy sĩ. Catalog hoặc danh mục các ấn phẩm mới có thể lấy miễn phí tại địa chỉ nêu trên hoặc qua email: pubvente@ilo.org

Hãy truy cập vào địa chỉ trang web của chúng tôi: www.ilo.org/publns

Do Văn phòng Lao động Quốc tế in tại Geneva, Thụy sĩ

Mục lục

Báo cáo của ILO năm 2003: **Hãy làm việc cùng nhau vì sự toàn**

<u>Lời nói đầu</u>	3
<u>1. Số liệu và sự cần thiết phải phối hợp hành động vì an toàn</u>	5
<u>Khoảng hai triệu người bị chết tại nơi làm việc mỗi năm</u>	5
<u>Bệnh tật không phải là ngẫu nhiên</u>	5
<u>2. Thách thức</u>	6
<u>2.1 Phạm vi vấn đề</u>	6
<u>2.2 Tử vong: 2 triệu trường hợp mỗi năm</u>	7
<u>2.3 Các xu hướng trong khu vực</u>	9
<u>Nguồn: www.ilo.org/safework</u>	10
<u>Nguồn: www.ilo.org/safework</u>	11
<u>2.4 Các trường hợp mắc bệnh không gây chết người: 160 triệu trường hợp mỗi năm</u>	12
<u>2.5. Tai nạn: 270 triệu vụ mỗi năm</u>	12
<u>2.6 Vấn đề toàn cầu hoá</u>	14
<u>2.7 Các yếu tố về tâm lý xã hội và những vấn đề mới nổi khác</u>	14
<u>2.8 Các ngành có độ rủi ro cao</u>	15
<u>2.9 Giới tính</u>	17
<u>2.10 Lao động trẻ em</u>	18
<u>2.11. HIV/AIDS</u>	18
<u>2.11 Thanh tra lao động</u>	19
<u>3. Lợi ích của việc bảo đảm an toàn</u>	19
<u>3.1. Có phải các biện pháp để đảm bảo an toàn và vệ sinh lao động tốn quá nhiều tiền?</u>	20
<u>3.2. Chi phí các vụ tai nạn và bệnh tật liên quan tới công việc: 1.250.000 triệu USD một năm</u>	20
<u>3.3 An toàn và tính cạnh tranh</u>	22
<u>3.4. Đối với các doanh nghiệp: vấn đề an toàn và kết quả hoạt động kinh doanh</u>	23
<u>3.5. Danh tiếng và trách nhiệm</u>	24
<u>4. Văn hoá an toàn trên toàn cầu</u>	27
<u>4.1. Văn hoá về an toàn là như thế nào?</u>	27
<u>4.2. Các tiêu chuẩn của ILO</u>	27
<u>4.3. Hướng đi tiếp theo</u>	28
<u>4.4. Các chiến lược</u>	29
<u>4.5. Mục tiêu</u>	30

Lời giới thiệu

Chương trình làm việc hàng năm của ILO thể hiện ước nguyện của tất cả mọi người, nam giới và nữ giới, được sống và làm việc theo đúng chân giá trị của mình. Công việc là trung tâm cuộc sống của mọi người, trung tâm của sự ổn định của mỗi gia đình và xã hội. Mọi người đều muốn có một công việc có thể đảm bảo cho gia đình họ một mức sống có thể chấp nhận được, một công việc mà ở đó họ có một tiếng nói nhất định và các quyền cơ bản của họ được tôn trọng. Họ muốn được sự bảo vệ khi mà họ không còn làm việc được nữa cũng như muốn được bảo vệ khỏi bệnh tật và thương tật tại nơi làm việc.

Công việc nghiêm túc là công việc an toàn, nhưng chúng ta còn phải cố gắng nhiều hơn nữa mới đạt được mục tiêu này. Mỗi năm khoảng hai triệu nam giới và phụ nữ đã bị thiệt mạng vì tai nạn và bệnh tật liên quan tới công việc của họ. Thêm vào đó, có khoảng 270 triệu tai nạn lao động và 160 triệu trường hợp mắc bệnh nghề nghiệp mỗi năm và đây mới là chỉ là con số ước lượng khiêm tốn.

Những con số trên đề cập tới những mất mát, đau đớn và sự chịu đựng lớn lao của con người. Thế nhưng nhận thức của con người về vấn đề này vẫn còn thấp. Tại sao vậy? Có lẽ bởi vì những tai nạn thường phân tán ở nhiều nơi. Chỉ một vài trường hợp thảm kịch xảy ra thu hút được sự quan tâm của công chúng. Thế nhưng thực tế cuộc sống hàng ngày của đại đa số những người đã chết, bị bệnh hoặc thương tật bởi những nguyên nhân liên quan đến công việc lại không được mọi người quan tâm.

Tất cả những vấn đề nêu trên đã trở thành một vấn đề xã hội và thế giới có cần phải hành động nếu không sẽ dẫn đến sự mất mát về người lớn lao và cái giá phải trả bằng kinh tế rất lớn. Và các doanh nghiệp và người lao động biết rằng không hành động sẽ ảnh hưởng tiêu cực đến hoạt động sản xuất kinh doanh của họ như thế nào. Công việc mà chỉ chú trọng vào hiệu quả kinh doanh và bỏ qua vấn đề an toàn và vệ sinh của người lao động không thể trở thành nền tảng cho chiến lược phát triển bền vững.

ILO không chấp nhận việc thương tật và bệnh tật luôn đi cùng công việc. Tử vong, tai nạn và bệnh tật tại nơi làm việc là hoàn toàn có thể phòng tránh được. Chúng tôi sử dụng hoạt động và ảnh hưởng trên toàn cầu của mình để đưa văn hoá an toàn vào nơi làm việc với sự trợ giúp của chính sách và chương trình quốc gia phù hợp. Qua việc đề ra các tiêu chuẩn về công việc, tăng cường tuyên truyền và hướng dẫn các quy định về lao động cũng như thông qua hợp tác quốc tế, chúng tôi đề ra các hướng hành động, các công cụ thực hiện và hỗ trợ nhằm tạo một nơi làm việc an toàn hơn.

Vào Ngày Thế giới về An toàn và Vệ sinh Lao động tại nơi làm việc, chúng tôi tập trung nỗ lực vào nâng cao tính an toàn tại nơi làm việc. Báo cáo này chỉ ra những thách thức mà chúng tôi đang phải đối mặt và vạch ra hướng giải quyết. Nhận thức phải đi đôi với cam kết và hành động. Cùng làm việc với các cơ quan của mình và các cơ quan có liên quan, ILO mong muốn đóng góp vào nỗ lực tăng cường sự an toàn trong công việc trên toàn thế giới

Juan Somavia
Tổng giám đốc
Văn phòng lao động quốc tế

1. Số liệu và sự cần thiết phải phối hợp hành động vì an toàn

Khoảng hai triệu người bị chết tại nơi làm việc mỗi năm

Mỗi năm có khoảng hai triệu người bị chết về những nguyên nhân liên quan đến công việc của mình.

Đây là con số thống kê trên toàn thế giới dựa trên các ước toán gần đây nhất của ILO

Dù số người chết là rất lớn nhưng đây chỉ là một phần của vấn đề. Khoảng 160 triệu người trên hành tinh này mắc bệnh có liên quan tới công việc của mình, trong số đó, 1/3 trường phải nghỉ làm khoảng bốn ngày và thậm chí còn hơn nữa. Trong khi đó, số lượng các vụ tai nạn lao động trên toàn thế giới, bao gồm cả tai nạn chết người hoặc không chết người, đã lên tới con số 270 triệu vụ mỗi năm.

Tử vong không phải do số mạng con người.

Tai nạn không phải do tình cờ xảy ra.

Bệnh tật không phải là ngẫu nhiên.

Tất cả đều có nguyên nhân của nó.

Hầu hết các trường hợp tử vong, thương tật và bệnh tật trên toàn thế giới do nguyên nhân có liên quan tới công việc gây ra đều có thể phòng tránh được.

Thông điệp trên phải được phổ biến một cách rộng rãi. Và ngày 28/4, ngày Thế giới về An toàn lao động tại nơi làm việc là một cơ hội đặc biệt để chúng ta thực hiện thông điệp này.

Mỗi quốc gia, mỗi thành phố, làng mạc đều tưởng nhớ những người đã chết trong chiến tranh. Vậy thì tại sao chúng ta không dành riêng một ngày để tưởng nhớ những người nam giới, phụ nữ và trẻ em là nạn nhân trong công việc của chính mình. Và sao ta không sử dụng ngày đó để nhấn mạnh sự cấp thiết phải đảm bảo an toàn và vệ sinh lao động tại nơi làm việc.

Từ ý tưởng đơn giản này, năm 1989, những người lao động Mỹ và Canada đã phát động ngày 28/4 là ngày tưởng niệm đối với những đồng nghiệp đã chết và bị thương tật trong công việc. Và ngày càng nhiều nước tổ chức kỷ niệm vào ngày 28/4. Đến bây giờ ngày 28/4 được kỷ niệm ở gần một trăm quốc gia trên toàn thế giới. Việc ngày 28/4 trở thành ngày kỷ niệm trên toàn thế giới là do nỗ lực mạnh mẽ của phong trào lao động và đặc biệt là của Liên đoàn các Công đoàn Tự do Quốc tế (ICFTU).

ILO từ lâu đã hỗ trợ rất nhiều các hoạt động kỷ niệm và giờ đây đã chính thức tham gia vào các hoạt động này. Tổ chức này muốn đưa sức mạnh đặc biệt của mình □ sức mạnh ba bên vào trong các hoạt động. Nói cách khác, đó là sự hợp tác và gặp gỡ bình đẳng giữa chính phủ, người sử dụng lao động và người lao động.

An toàn sẽ mang lại lợi ích. ILO tin rằng các tiêu chuẩn cao nhất về an toàn và vệ sinh lao động trên toàn thế giới luôn thu hút được sự quan tâm lớn nhất của mỗi người lao động, người sử dụng lao động và của mỗi quốc gia.

Chúng tôi có thể chứng minh cho nhận định trên bằng các số liệu cụ thể. Một phần trong những đóng góp của chúng tôi vào ngày 28/4 là các quan điểm tổng hợp của mình trong một ấn phẩm ngắn gọn và dễ hiểu. Những ai muốn biết thêm chi tiết có thể tìm đọc thêm các tài liệu tham khảo. Đối với những người làm việc trong lĩnh vực kinh doanh, trong chính phủ hoặc trong các công đoàn, những người cần phải đưa ra quyết định nhanh chóng và chính xác, thì cuốn sách này tập trung vào các sự kiện chính sau:

- **Thách thức:** Những ước tính của chúng tôi về các trường hợp tử vong, thương tật và ốm đau liên quan đến công việc trên khắp thế giới. Những mối đe dọa lớn nhất. Các xu hướng trong khu vực. Những ngành có nguy cơ cao nhất. Và làm thế nào để chúng tôi có thể đưa ra các con số ước tính như vậy.
- **Lợi ích của việc đảm bảo an toàn:** Vì sao việc không an toàn lại là một thiệt hại về kinh tế. Vấn đề sức khỏe của người lao động và sự thịnh vượng của quốc gia. Những quốc gia thực hiện tốt vấn đề an toàn lao động có khả năng cạnh tranh tốt hơn. Vấn đề an toàn và kết quả kinh doanh của các doanh nghiệp
- **Văn hoá an toàn trên toàn cầu:** Quản lý doanh nghiệp và cam kết thực hiện là vấn đề trọng yếu. Hoạt động công đoàn càng mạnh thì nơi làm việc càng an toàn. Hành động quốc gia, khuôn khổ toàn cầu. Các tiêu chuẩn của ILO về an toàn và vệ sinh lao động. Công việc nhân văn là công việc an toàn.

Những thực tế khó khăn, thường là rất khó khăn, là nền tảng lớn nhất cho các cuộc đối thoại xã hội về những vấn đề sống còn nhưng chúng ta đều nhận thức được rằng cái giá phải trả lớn nhất thì không thể biểu hiện qua những con số.

Các trường hợp tử vong, thương tật và ốm đau do các nguyên nhân liên quan tới công việc thường gây nên đau khổ sâu sắc cho các nạn nhân và gia đình họ. Đằng sau những con số thống kê này là những bi kịch của mỗi cá nhân nhưng cái giá của chúng và cả những biện pháp khắc phục lại là vấn đề của toàn xã hội.

Tất cả chúng ta phải nỗ lực vì công việc đàng hoàng và an toàn trên toàn thế giới. Và chúng ta phải cùng nhau hành động. Thực tế thì với đại đa số mọi người đều tham gia thì chúng ta sẽ không sợ gì cả.

2. Thách thức.

2.1 Phạm vi vấn đề

Giảm thiểu các tai nạn và bệnh nghề nghiệp trên phạm vi toàn thế giới là thử thách lớn nhất. Để giải quyết một cách hiệu quả, đầu tiên chúng ta cần phải biết rõ phạm vi của vấn đề.

Đây không phải là một công việc đơn giản. Rất nhiều các trường hợp tử vong và thương vong nghề nghiệp chưa bao giờ được báo cáo lại. Thậm chí cả khi có được các số liệu thống kê đó thì chúng lại được tổng hợp theo những cách khác nhau. Và tất nhiên, những nước có tỷ lệ tai nạn và bệnh nghề nghiệp cao nhất chắc chắn không phải là những nước có tổ chức thanh tra và hệ thống **thống kê** hiệu quả.

Tuy nhiên, ILO đã đảm nhận nhiệm vụ cung cấp số liệu thống kê tương đối chính xác nhất về các vụ tai nạn và tử vong trên toàn cầu do các nguyên nhân liên quan đến công việc gây nên¹. Kết quả thống kê được tóm tắt trong phần này. Các kết quả này bao gồm cả số liệu ước đoán nhưng các giả định chủ chốt đều có giá trị thực tế.

Các số liệu về tử vong, thương tật và bệnh nghề nghiệp có thể cho thấy các nguyên nhân chính dẫn đến tình trạng này. Kết quả thống kê cho thấy số lượng các vụ tai nạn chết người và gây thương

¹ Xem thông tin chi tiết tại trang web

www.ilo.org/public/english/protection/safework/accidis/index.htm

www.ilo.org/public/english/protection/safework/wdcongrs/ilo_rep.pdf

www.ilo.org/safework

tật, các loại bệnh nghề nghiệp (mà nguyên nhân gây ra có liên quan 100% tới công việc và thường được bồi thường) và các loại bệnh liên quan đến công việc (nguyên nhân gây ra liên quan một phần tới công việc), các trường hợp nghỉ việc, các quỹ trợ cấp thương tật và vấn đề hiệu quả công việc giảm sút. Những vấn đề này có thể liên quan đến nhau.

Trong phần tiếp theo, chúng tôi sẽ giải thích cách thức ước tính các số liệu trên đây.

2.2 Tử vong: 2 triệu trường hợp tử vong mỗi năm

Theo các dự đoán mới nhất của ILO trong năm 2000 □ dựa trên các số liệu thống kê năm 1998 □ có khoảng hai triệu trường hợp tử vong do các nguyên nhân liên quan tới công việc mỗi năm.

Con số các trường hợp tử vong liên quan tới công việc được dự đoán trên cơ sở tính toán tỷ lệ tử vong ở mỗi loại bệnh và thương tật cụ thể. Các tỷ lệ này được tính toán dựa trên số liệu về mức độ tiếp xúc với các yếu tố gây nên các loại bệnh có liên quan tới công việc và mối quan hệ nhân quả có thể chứng minh được giữa tỷ lệ các loại bệnh tật có liên quan tới công việc và tỷ lệ tử vong. Việc tính toán theo cách này chủ yếu được áp dụng ở các nước công nghiệp.

Những nghiên cứu như vậy vẫn chưa được tiến hành ở các nước đang phát triển và nếu có thì cũng chỉ trong một phạm vi hạn chế. Tuy nhiên, việc xem xét mối quan hệ giữa mức độ tiếp xúc với khả năng mắc bệnh ở những nước này vẫn khá thống nhất với các quốc gia công nghiệp hoá mặc dầu còn tồn tại một số ngoại lệ, chẳng hạn như bệnh u ác tính ở da, bệnh có nguy cơ mắc cao khi phải tiếp xúc với các nguồn phóng xạ UV lớn nhưng hoàn toàn có thể phòng ngừa được.

Nói tóm lại, dù ở bất kỳ nơi đâu trên thế giới, cơ thể của con người đều phản ứng rất giống nhau và hầu hết các quy trình làm việc trên thế giới đều khá đồng nhất. Và trong hầu hết các trường hợp cũng không có sự khác biệt đáng kể nào trong phản ứng của cơ thể nam và nữ đối với các yếu tố chính liên quan đến vấn đề vệ sinh và an toàn lao động. Tuy nhiên, có rất nhiều nguyên nhân liên quan tới công việc dẫn đến tình trạng tử vong, chúng bao gồm các yếu tố về khu vực, về lĩnh vực nghề nghiệp hay giới tính. Những nguyên nhân này sẽ được giải thích ở phần dưới. Chúng thường được đưa ra xem xét khi tiến hành giải thích về các trường hợp tử vong trên toàn cầu. Trong số các yếu tố đó thì yếu tố về khu vực thường xuyên được đưa ra xem xét (tỷ lệ tử vong nghề nghiệp ở các quốc gia có tỷ lệ thu nhập cao thấp khác nhau). Những yếu tố này được rút ra từ số liệu về các trường hợp tử vong liên quan tới công việc trong báo cáo của Tổ chức y tế thế giới *Gánh nặng bệnh tật toàn cầu*². Ở những nơi có mức thu nhập trung bình, các yếu tố gây bệnh kể trên có xu hướng cân bằng và do đó, những tỷ lệ tương tự cũng được sử dụng ở các nước có mức thu nhập cao.

Trên cơ sở tương tự, ILO tiến hành tính toán tỷ lệ các nguyên nhân khác nhau liên quan tới công việc dẫn tới 2 triệu trường hợp tử vong mỗi năm.

Kết quả tính toán được tóm tắt trong biểu đồ sau:

Theo biểu đồ này thì 4 nguyên nhân gây tử vong lớn nhất là:

➤ **Bệnh ung thư liên quan đến công việc (32%)**

Các yếu tố chính gây nên bệnh và có thể ngăn ngừa được:

- Amiăng
- Các hoá chất sinh ung thư và quá trình sản xuất các chất đó
- Phóng xạ iông hoá và các chất phóng xạ kích hoạt, radon, phóng xạ UV
- Bụi silic và các loại bụi gây ung thư khác

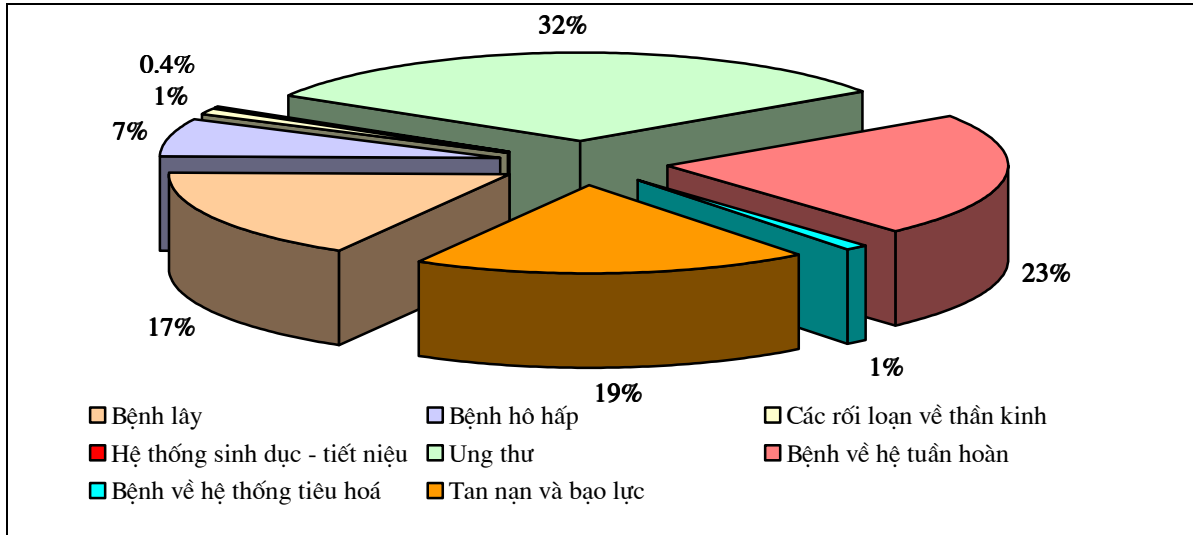
² Xem thông tin chi tiết tại

Murray C., Lopez A.: *Global Burden of Disease*. WHO/Harvard School of Public Health, Geneva 1996.
www3.who.int/whosis/menu.cfm?path=whosis,burden&language=English

- Khói thuốc lá ở nơi làm việc (hút thuốc thụ động)
- Khí thải xe cơ giới

Biểu đồ 1: Các nguyên nhân chính của tử vong nghề nghiệp trên toàn cầu.

Tử vong liên quan tới công việc



➤ **Các loại bệnh thuộc hệ tuần hoàn máu liên quan tới công việc (23%)**

Các yếu tố gây bệnh và có thể phòng ngừa được:

Các bệnh về tim mạch

- Làm việc theo ca và làm việc đêm, giờ làm việc dài (bao gồm cả tử vong do làm việc quá sức, đôi khi được biết đến với thuật ngữ *karoshi*)
- Do yêu cầu quá cao và quyền quyết định thấp dẫn đến căng thẳng công việc quá độ và tình trạng các hormone bị stress cao, ví dụ như những người làm nghề lái xe buýt.
- Tiếng ồn
- Nguy cơ xảy ra thương tật cao
- Các hoá chất, ví dụ như Carbon Sunphua, Nitroglycerin, chì, chất coban, carbon monoxide (ở những người làm nghề đúc, người điều khiển giao thông), các sản phẩm đốt cháy, thạch tín, các xung đột
- Khói thuốc ở nơi làm việc

Các bệnh về não

- Làm việc theo ca
- Khói thuốc tại nơi làm việc

➤ **Các tai nạn nghề nghiệp (19%)**

Các nhân tố chính gây bệnh và có thể phòng ngừa được:

- Thiếu các chính sách về an toàn và vệ sinh lao động của công ty, doanh nghiệp, không có cơ cấu hợp tác giữa người lao động và người sử dụng lao động, thiếu hệ thống quản lý về an toàn và vệ sinh lao động.

- Văn hoá an toàn kém
- Thiếu kiến thức, không có các giải pháp **khả thi** và các trung tâm thông tin
- Thiếu hoặc chính sách quản lý của chính phủ yếu kém, thiếu một cơ chế thực thi pháp luật hiệu quả, không có hệ thống tư vấn và thiếu sự hợp tác ba bên.
- Thiếu hệ thống bồi thường trên cơ chế khuyến khích.
- Thiếu hoặc dịch vụ y tế nghèo nàn.
- Không có sự nghiên cứu và các số liệu thống kê hoàn chỉnh để thiết lập biện pháp ưu tiên.
- Thiếu hệ thống giáo dục và đào tạo hiệu quả ở tất cả các cấp

➤ **Các bệnh lây liên quan tới công việc:**

Các nhân tố chính gây bệnh và có thể phòng ngừa được :

- Các bệnh lây nhiễm và bệnh ký sinh (bệnh sốt rét, bệnh do virus và vi khuẩn gây nên, các bệnh do ruồi tê tê gây ra, các bệnh về mũi, hội chứng suy hô hấp cấp (SARS)...)
 - Nước uống không đảm bảo vệ sinh, hệ thống vệ sinh kém
 - Điều kiện vệ sinh kém, thiếu hiểu biết về vệ sinh.

Lưu ý : Các trường hợp liên quan tới động vật nguy hiểm, rắn và các loại côn trùng thường được ghi nhận là các tai nạn.

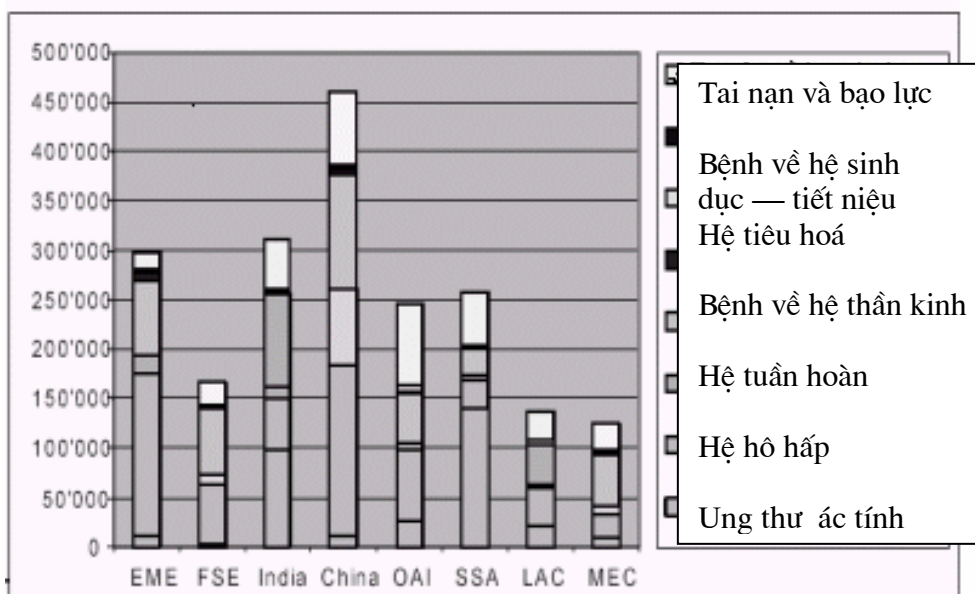
2.3 Các xu hướng trong khu vực

Các nguyên nhân gây bệnh ở mỗi khu vực trên thế giới là khác nhau.

Các tỷ lệ đưa ra trong biểu đồ trên là tỷ lệ trên toàn thế giới. Khi xem xét sự phân bố của các tỷ lệ này trên phạm vi toàn thế giới (theo sự phân loại của Ngân hàng Thế giới), bức tranh lại hoàn toàn khác biệt, như thể hiện trong biểu đồ 2. Trong *các nền kinh tế thị trường hoàn chỉnh (EME)*, bệnh ung thư liên quan tới công việc là nguyên nhân chủ yếu dẫn đến tử vong. Tại Trung Quốc, bệnh ung thư liên quan tới công việc cũng là một trong những nguyên nhân chính và nguyên nhân mắc bệnh chủ yếu là do bụi amiăng và hút thuốc thụ động tại nơi làm việc. Tai nạn là nguyên nhân chính dẫn đến tử vong tại nơi làm việc ở *các nước Châu á và các quần đảo khác (OAI)* và đang gia tăng tại Trung Quốc. Trung quốc có tỷ lệ người lao động mắc bệnh hô hấp cao nhất do khai thác mỏ. Các bệnh thuộc hệ tuần hoàn liên quan tới công việc lại là nguyên nhân chủ yếu dẫn tới tử vong ở các nước xã hội chủ nghĩa trước đây của châu Âu (FSE) và ở các quốc gia đạo hồi Trung Đông (MEC). Tại ấn Độ và các quốc gia châu Phi ở khu vực tiểu Sahara thì các bệnh lây nhiễm liên quan tới công việc lại là nguyên nhân chính. ở các nước Mỹ latin và vùng Caribe thì tỷ lệ các nguyên nhân dẫn tới bệnh nghề nghiệp khá đồng đều và trong đó các bệnh ung thư và bệnh về tuần hoàn thường dẫn tới tử vong. Bảng dưới đây sẽ cho thấy rõ con số cụ thể của các trường hợp tử vong.

Bảng 2: Các trường hợp tử vong ở các khu vực trên thế giới do các tai nạn nghề nghiệp và bệnh liên quan đến công việc gây ra

Bảng 2: Các trường hợp tử vong ở các khu vực trên thế giới do các tai nạn nghề nghiệp và bệnh liên quan đến công việc gây ra



Nguồn: www.ilo.org/safework

Gánh nặng về các tai nạn và bệnh nghề nghiệp đối với mỗi khu vực trên thế giới là khác nhau. Như bảng 2a chỉ ra, tỷ lệ tử vong ở một số khu vực cao hơn hẳn so với những khu vực khác. Phân tích tình hình ở mỗi quốc gia còn cho thấy sự chênh lệch lớn hơn. Tỷ lệ tử vong ở một số nước châu Âu cao gấp hai lần so với một số nước khác. Ở một số nước Trung Đông và châu Á, tỷ lệ tử vong cao gấp 4 lần so với các nước công nghiệp hoá có trình độ an toàn lao động tốt nhất

Bảng 2a. Tỷ lệ tử vong do các bệnh liên quan đến công việc và tai nạn nghề nghiệp gây ra (số liệu năm 2000)

	Số người trong độ tuổi	Tổng số người có việc làm	Ước tính các trường hợp liên quan đến công việc trên toàn cầu	Ước tính Các tai nạn chết người trên toàn cầu	Các tai nạn chết người được báo cáo cho ILO
Các nước có nền kinh tế TT phát triển	40914149 6	38083364 3	297534	16170	14608
Các nước XHCN trước đây	18471712 7	16212034 1	166265	21425	8665
Ấn Độ	45872000	41956000	310067	48176	211

	0	0			
Trung Quốc	70821810 2	69977100 0	460260	73615	17804
Các quốc gia Châu á và các vùng đảo khác	40448705 0	32867380 0	246720	83048	5631
Các nước tiểu Sahara	26072594 7	10540604	257738	54705	1675
Các nước Mỹ Latinh và Caribê	19342660 2	11460496 2	137789	29594	6998
Các nước Đạo Hồi Trung Đông	11290630 0	48635240	125641	28019	1876
Toàn thế giới	27323426 24	21647395 90	2001717	354753	57468

Nguồn: www.ilo.org/safework

Cũng có nhiều xu hướng trái ngược nhau. Về cơ bản tỷ lệ tử vong, tai nạn và bệnh nghề nghiệp đang có xu hướng giảm ở các quốc gia công nghiệp hoá. ở những quốc gia đang phát triển và những quốc gia mới công nghiệp hoá, tỷ lệ này giữ nguyên hoặc tăng lên.

Lý do giải thích cho sự khác biệt này rất phức tạp. Chắc chắn là việc có các biện pháp phòng ngừa và các phương tiện cấp cứu tốt hơn giữ vai trò quan trọng làm giảm các tỷ lệ trên ở các nước công nghiệp hoá. Đồng thời các nước này cũng có điều kiện để đưa các ngành nguy hiểm ra nước ngoài. Hầu hết những ngành nguy hiểm nhất thế giới đều không còn tồn tại ở những nước công nghiệp hoá từ lâu đời.

Tại các nước công nghiệp hoá, bản chất của sức khoẻ nghề nghiệp kém đang thay đổi. Không còn nhiều các trường hợp thương tật về mặt thể chất nhưng những sự phiền não gắn với stress và làm việc quá sức lại đang gia tăng.

Sau đây là một số nguyên nhân mang tính chất khu vực mà ILO quan tâm tới - đặc biệt là khi xem xét các mức độ tiếp xúc với chúng:

- Rất nhiều hoạt động sản xuất ở các nước đang phát triển có cường độ lao động cao hơn so với các nước công nghiệp hoá do số lượng người lao động tiếp xúc với nguyên nhân gây bệnh và thương tật ở các nước đang phát triển cao hơn rất nhiều.
- Nhiệt độ và các điều kiện khí hậu khác ở các nước đang phát triển thường khắc nghiệt hơn. Tuy nhiên các nước có khí hậu ấm và thu nhập thấp cũng đã biết bố trí không gian sản xuất thoáng với hệ thống thông gió tự nhiên ở các dây chuyền sản xuất.
- Hiểu biết và nhận thức về sự nguy hiểm ở các nước có thu nhập thấp còn hạn chế dẫn đến khả năng phòng tránh thấp.
- Các nước đang phát triển không có điều kiện sử dụng các máy móc và thiết bị hiện đại tiêu hao ít năng lượng.
- Các nước đang phát triển bắt đầu hạn chế sử dụng một số khoáng chất và hoá chất độc hại (như amiăng và các chất hoá học công nghiệp). Thế nhưng họ lại tăng cường sử dụng các loại chất hoá học khác như thuốc trừ sâu mà không có các biện pháp kiểm soát thích đáng.
- Các nước công nghiệp hoá thường có các dịch vụ và quá trình sản xuất kéo dài 24 tiếng. Điều này làm tăng làm việc theo ca và làm việc đêm ở những nước có thu nhập cao.
- Các loại bệnh có thời gian ủ bệnh dài và chỉ biểu hiện ở cuối thời kỳ làm việc của mỗi người lao động hoặc sau khi họ đã nghỉ hưu như bệnh ung thư và các bệnh về tuần hoàn liên quan đến công việc không phải nguyên nhân chính dẫn đến tình trạng tử vong liên quan đến công việc ở các nước có thu nhập thấp do tuổi thọ trung bình ở những nước này không cao. Tuy nhiên, trong

tương lai các loại bệnh này sẽ nhanh chóng trở thành mối quan ngại lớn đối với những nước này khi mà hệ thống chăm sóc sức khỏe được cải thiện và tuổi thọ trung bình của người dân tăng lên.

Có một số dấu hiệu cho thấy quá trình công nghiệp hoá bắt đầu gây nên một số tai biến nghề nghiệp. Việc xây mới đường xá, các cơ sở hạ tầng, các thiết bị viễn thông và các nhà máy mọc lên liên tục đã làm gia tăng tỷ lệ tai nạn nghề nghiệp, bao gồm cả tai nạn chết người và tai nạn không chết người. Ngoài ra còn kể đến việc tuyển dụng những người lao động chưa được đào tạo vào những ngành hoàn toàn mới mẻ đối với họ.

Tại những nước đang trong quá trình công nghiệp hoá, những nguyên nhân trên có xu hướng gia tăng cho đến khi các quốc gia này đạt đến được một mặt bằng chung. Dần dần, các chương trình và chính sách phòng tránh sẽ được thực hiện. Cùng với quá trình chuyển dịch cơ cấu theo hướng phát triển các ngành dịch vụ, những chính sách và chương trình này sẽ có một số ảnh hưởng tích cực góp phần làm giảm tỷ lệ tai nạn lao động. Tuy nhiên, một lý do dẫn tới số liệu về các vụ tai nạn tăng lên lại do công tác báo cáo được thực hiện tốt hơn. Hệ thống thanh tra, bồi thường và bảo vệ thường không thể tiếp cận được những người làm việc ở khu vực nông thôn hay khu vực phi kết cấu. Hệ thống này chỉ có thể tiếp cận được với người lao động làm việc trong các ngành công nghiệp và dịch vụ và do đó số liệu thu thập về các ngành này chính xác hơn.

2.4 Các trường hợp mắc bệnh không gây chết người: 160 triệu trường hợp mỗi năm

Theo các cuộc điều tra tại Anh (1998)³ và Phần Lan (2000)⁴ về việc tự báo cáo về các trường hợp mắc bệnh liên quan đến công việc thì mỗi năm có 7,3% và 8,3% trường hợp mắc bệnh liên quan tới công việc ở hai nước này phải xin nghỉ ốm. Tính trên phạm vi toàn thế giới, cứ cho rằng sức khỏe của người lao động ở các khu vực là giống nhau thì điều này cũng có nghĩa là có khoảng 184 triệu đến 208 triệu người lao động mắc các loại bệnh liên quan tới công việc. Khoảng 2,3 % số người lao động (tức là khoảng 58 triệu người) bị mắc bệnh liên quan đến công việc phải xin nghỉ ốm từ 4 ngày trở lên. Điều tra của Liên minh châu Âu cho thấy 5,4% số người lao động mắc phải các chứng rối loạn về sức khỏe mà nguyên nhân là do công việc hiện thời hoặc công việc trong quá khứ của họ gây nên⁵. Nếu tính cả những người bán thất nghiệp và những người tạm thời mất việc nhưng vẫn đang chịu những ảnh hưởng về rối loạn sức khỏe do công việc trong quá khứ gây nên thì con số ước tính cho toàn thế giới là **160 triệu** người là hợp lý.

2.5. Tai nạn: 270 triệu vụ mỗi năm

Các thương tật gây ra bởi các tai nạn liên quan tới công việc chỉ được coi là dẫn đến tử vong khi mà tất cả các nguyên nhân xảy ra đồng thời một lúc. Tuy vào mỗi loại công việc, cứ khoảng 500 đến 2000 vụ tai nạn gây thương tích nhỏ thì có một tai nạn gây chết người.

Trên cơ sở này, ước tính của ILO về số lượng các vụ tai nạn tại nơi làm việc trên khắp thế giới, bao gồm cả tai nạn chết người và tai nạn không chết người là 270 triệu vụ mỗi năm.

³ HSE: Self-reported work-related illness I 1995. HM Stationery Office, Norwich, UK. 1998

⁴ Paananen S.: Dangers at Work – Perceived occupational diseases, accidents and violence at work in 1999. Statistics Finland 2000:15, Helsinki, Finland (in Finnish, summary in English)

⁵ Dupré D. Work-related health problems in the EU 1998-99. Eurostat, Brussels. 2001

http://europa.eu.int/comm/eurostat/Public/datashop/printproduct/EN/catalogue=Eurostat&product=KS-NK-01-017-__-I-EN&mode=download
<http://europe.osha.eu.int/statistics/index2.php3>

Mặc dù các thương tích gây ra do tai nạn trong lao động chỉ là nguyên nhân đứng thứ ba của các trường hợp tử vong liên quan đến công việc nhưng vẫn cần phải chú ý tới các khía cạnh sau:

- Các tai nạn chết người thường xảy ra đối với cả những người lao động đã có kinh nghiệm làm việc lâu năm, và đôi khi xảy ra đối với những người lao động trẻ và thiếu kinh nghiệm. Ước tính khoảng 12.000 lao động là trẻ em chết mỗi năm và **điều này** gây ra những mất mát to lớn về sinh mạng cũng như về thời gian làm việc. Ngược lại, những bệnh như ung thư hay bệnh về hệ thống tuần hoàn do các nguyên nhân liên quan đến công việc gây ra thường phát tác rất muộn, vào cuối những năm tháng làm việc của người lao động, và thậm chí khi họ đã nghỉ hưu. Chính vì vậy mất mát do tai nạn gây ra trên thực tế lại là rất lớn.

- Trong khi một số loại bệnh có liên quan đến công việc là do nhiều nhân tố gây nên mà các nhân tố này lại rất khó loại bỏ, chẳng hạn như sự nhạy cảm gien hay di truyền, còn tất cả các tai nạn nghề nghiệp đều do các nhân tố có thể phòng tránh được gây ra tại nơi làm việc. Điều này được thể hiện rõ qua tỷ lệ tai nạn ngày càng giảm ở những nước công nghiệp hoá. Rất nhiều các công ty và chính phủ đã đề ra mục tiêu giảm không còn tai nạn tại nơi làm việc. Nếu tất cả các quốc gia thành viên của ILO áp dụng các chính sách và biện pháp phòng tránh tai nạn hữu hiệu nhất đã có sẵn và rất dễ thực hiện thì khoảng 300.000 trường hợp tử vong (trong tổng số 360.000 trường hợp) và 200 triệu vụ tai nạn (trong tổng số 270 triệu vụ) có thể ngăn chặn được, đó là chưa kể đến việc có thể tiết kiệm một khoản tiền khá lớn cho quỹ bồi thường (*xem chương tiếp theo – lợi ích của việc đảm bảo an toàn*). Nguyên nhân chủ yếu khiến số lượng các vụ tai nạn liên quan đến công việc giảm mạnh ở các nước công nghiệp hoá là do họ tiến hành cắt giảm lực lượng lao động làm việc trong các lĩnh vực nguy hiểm. Mặc dù chỉ còn rất ít lao động làm việc trong các ngành nguy hiểm, nhưng ở những nước này, tỷ lệ thương tật đối với những người lao động này vẫn còn cao. Ví dụ như thương tật chết người do đốn gỗ ở các vùng rừng núi của phía Bắc bang Carolina (Mỹ) cao gấp 15 lần so với tỷ lệ các vụ tử vong trong ngành xây dựng của những nước đang phát triển.

- Một lý do khác khiến tỷ lệ các vụ tai nạn chết người giảm hẳn ở các nước có thu nhập cao là do họ đẩy mạnh các công tác cấp cứu, đưa người bị nạn đến bệnh viện nhanh chóng và có hệ thống chăm sóc cấp cứu tốt. Do đó, việc chỉ có một vài trường hợp tử vong do tai nạn nghề nghiệp ở những nước này vẫn chưa chứng tỏ được rằng số lượng các vụ tai nạn nghiêm trọng đã giảm hẳn ở những nước này.

- Bạo lực trong công việc cũng là một phần nguyên nhân dẫn đến tỷ lệ thương tích trong công việc tăng lên.

Các thương tích do tai nạn gây nên chỉ được coi là dẫn đến tử vong khi mà tất cả nguyên nhân gây ra tử vong đều xảy ra cùng một lúc. Các tai nạn chết người chỉ là bề nổi của vấn đề. Tùy thuộc vào loại hình mỗi công việc mà cứ 500 □ 2000 các vụ tai nạn gây thương tích nhẹ thì có một vụ gây chết người. Các nghiên cứu ở Mỹ⁶ và Phần Lan⁷ cho thấy cứ mỗi vụ tai nạn gây chết người thì có hơn 1000 vụ tai nạn nghề nghiệp khác buộc người lao động nghỉ làm khoảng 3 ngày và thậm chí hơn thế nữa. ở Đức⁸, tỷ lệ này là 1:1200; còn đối với thương tích do tai nạn gây ra buộc người lao động phải nghỉ một ngày hoặc hơn thì tỷ lệ là 1:2400. Tỷ lệ giữa tai nạn chết người và tai nạn gây thương tích cần sơ cứu là 1:1500. Các trường hợp nguy hiểm hoặc gần là tai nạn xảy ra thường xuyên hơn. Cứ

⁶ National Safety Council: Accident Facts, 1996 (presently Injury Facts). Itasca IL, USA 1996-

⁷ Takala J. Global estimates of Fatal Occupational Accidents. Epidemiology, Sept 1999, Vol.10 No. 5 . pp 640-646. Philadelphia. 1999

⁸ Skiba R. Taschenbuch Arbeitssicherheit, 9. Aufl. 1997, S 38f. In: Training manual “Sicher mit System” (Safety with Systems) published by the Steinbruchberufsgenossenschaften, StBG. Hannover, Germany, 1999

mỗi vụ tai nạn chết người thì có khoảng 70.000 nguy cơ xảy ra tai nạn. Mặc dù chỉ là nguy cơ song chúng lại là nguyên nhân chính khiến việc sản xuất bị gián đoạn và dẫn đến giảm hiệu quả sản xuất. Do đó, để giảm số lượng các vụ tai nạn, cần phải áp dụng các biện pháp có hệ thống và liên tục để loại trừ các nguyên nhân khiến cho khoảng 70.000 nguy cơ xảy ra tai nạn. Bất cứ một vụ nào trong số đó đều có thể dẫn tới hậu quả nghiêm trọng hơn khi mà hàng loạt các nguyên nhân của nó vẫn còn hiện hữu.

2.6 Vấn đề toàn cầu hoá

Bắt đầu có nhiều mối quan ngại rằng quá trình toàn cầu hoá nền kinh tế có thể làm gia tăng các nguyên nhân dẫn đến các trường hợp tử vong và sức khoẻ yếu kém tại nơi làm việc. Các nhân tố liên quan tới quá trình toàn cầu hoá như thúc đẩy và tự do hoá thương mại thế giới cũng như sự phổ biến của công nghệ mới đang tạo ra nhiều loại hình tổ chức công việc mới và do đó tạo ra nhiều nguy cơ xảy ra tai nạn và mắc bệnh nghề nghiệp mới. Rõ ràng, một số các quốc gia trên thế giới đã hưởng lợi rất nhiều từ việc có được những cơ hội và việc làm mới tốt hơn. Thực tế là ở những nước này, các áp lực của quá trình toàn cầu hoá có thể được tạo ra để tăng cường vấn đề an toàn và vệ sinh. Tuy nhiên, ở một số nơi khác trên thế giới, họ chỉ gặp những hậu quả bất lợi của quá trình toàn cầu hoá.

Trong khi các công ty đa quốc gia khổng lồ đang tiếp tục quá trình sát nhập thành các công-lô-me-rát toàn cầu để tạo động lực phát triển cho toàn bộ nền kinh tế thế giới, thì các doanh nghiệp nhỏ đang được coi là động lực phát triển của các nền kinh tế quốc gia và là nguồn việc làm chính trong hiện tại cũng như trong tương lai. Để đáp ứng nhu cầu về tính linh hoạt do các động lực của quá trình toàn cầu hoá đặt ra, rất nhiều các công ty lớn chỉ tập trung vào một số lĩnh vực chủ chốt đặc thù và bỏ qua những lĩnh vực khác. Việc tăng cường đầu tư ra bên ngoài và ký các hợp đồng phụ của các công ty đa quốc gia lớn đã dẫn đến việc hình thành một loạt các công ty siêu nhỏ, các doanh nghiệp vừa và nhỏ cũng như sự xuất hiện của những nhà thầu và người lao động độc lập.

Các mối nguy hiểm và rủi ro nghề nghiệp thường dễ xảy ra ở các doanh nghiệp nhỏ hơn là ở các doanh nghiệp lớn vì nguồn lực và trình độ kỹ thuật của các doanh nghiệp nhỏ là có hạn. Ở các quốc gia đang phát triển, hầu hết các doanh nghiệp vừa và nhỏ đều chưa tiếp cận đầy đủ với hệ thống pháp lý về an toàn và vệ sinh lao động và số đông hoạt động ở các lĩnh vực kinh tế không chính thức mà ở đó các dịch vụ thanh tra cũng như các quy định về an toàn và vệ sinh lao động không với tới được. Tình hình này lại càng trầm trọng trong lĩnh vực nông nghiệp.

Thực tế này cùng với hệ thống báo cáo các tai nạn và bệnh nghề nghiệp yếu kém đã che đậy một thực tế là các nguy hiểm tại nơi làm việc vẫn đang gia tăng. Chúng ta phải nhớ rằng các số liệu thống kê về tai nạn chính thức không phản ánh rõ tình hình thực tế tại các nước đang phát triển.

2.7 Các yếu tố về tâm lý xã hội và những vấn đề mới nổi khác.

Stress là một nguyên nhân quan trọng dẫn đến tai nạn cũng như mắc bệnh liên quan tới lao động. Đồng thời cũng phải kể đến vấn đề lạm dụng rượu và ma tuý cũng như bạo lực tại nơi làm việc. Ở nhiều nơi trên thế giới, những vấn đề này còn có thể dẫn tới sự lan tràn của HIV/AIDS.

Hút thuốc thụ động được coi là một vấn đề nghiêm trọng ảnh hưởng tới sức khoẻ tại nơi làm việc. Theo ước tính gần đây, ung thư phổi dẫn đến tử vong do tiếp xúc với môi trường khói thuốc lá tại nơi làm việc chiếm tới 2,8% số trường hợp ung thư phổi⁹. Bên cạnh đó, 1,1% trường hợp bệnh phổi kinh niên, 4,5% trường hợp hen suyễn, 3,4% chứng thiếu máu cục bộ gây bệnh tim và 9,4% trường hợp đột quỵ não dẫn đến tử vong là do nguyên nhân hút thuốc thụ động tại nơi làm việc. Và việc hút thuốc thụ động tại nơi làm việc đã gây ra khoảng 200.000 trường hợp tử vong □ chiếm gần 14% các trường hợp tử vong do bệnh liên quan đến công việc gây ra.

⁹ Nurminen M., Karjalainen A. Epidemiologic estimate of the proportion of fatalities related to occupational factors in Finland. Scand. J. Work Environment Health 2001; 27(3):161-213, Helsinki, Finland

2.8 Các ngành có độ rủi ro cao.

Các yếu tố chính ảnh hưởng đến vấn đề an toàn và vệ sinh nơi làm việc ở các ngành là khá giống nhau. Những yếu tố này bao gồm các chất hoá học; bụi, sợi và ô nhiễm không khí; tiếng ồn và chấn động; lửa; phóng xạ; và các vấn đề về điều kiện lao động như điều kiện chiếu sáng hay cách bố trí công việc và máy móc.

Không ngành nào an toàn cả. Nhưng một số ngành lại đặc biệt nguy hiểm.

- **Ngành nông nghiệp** là một trong ba ngành nguy hiểm nhất ở cả các nước công nghiệp hoá và những nước đang phát triển. Thêm vào đó, các ngành này sử dụng khoảng một phần hai lực lượng lao động thế giới □ khoảng 1,3 triệu người. ILO ước tính rằng có tới 170,000 lao động trong lĩnh vực nông nghiệp thiệt mạng mỗi năm. Điều này có nghĩa là lao động trong lĩnh vực nông nghiệp chịu rủi ro về tính mạng trong công việc ít nhất là gấp hai lần so với lao động trong các ngành khác. Các tỷ lệ tử vong trong ngành nông nghiệp trong thập kỷ trước vẫn còn cao trong khi ở hầu hết các ngành lao động khác tỷ lệ tử vong đã giảm. Hàng triệu người lao động trong ngành nông nghiệp bị thương nghiêm trọng do các vụ tai nạn tại nơi làm việc gây ra, trong đó phải kể đến tai nạn với máy móc sử dụng trong nông nghiệp, nhiễm độc thuốc trừ sâu và các chất hoá học khác dùng trong nông nghiệp. Thực tế là do việc báo cáo không được đầy đủ các trường hợp tử vong, thương tích và các loại bệnh nghề nghiệp trong ngành nông nghiệp vẫn còn phổ biến mà ngành này thậm chí còn nguy hiểm hơn cả những gì mà các con số chính thức đã chỉ ra¹⁰.

- **Ngành khai thác mỏ** chiếm khoảng 1% lực lượng lao động toàn thế giới nhưng lại chiếm tới 5% các trường hợp tử vong tại nơi làm việc (ít nhất 15.000 người mỗi năm, hay là hơn 40 người bị chết mỗi ngày). Vẫn chưa có một số liệu đáng tin cậy nào về tình hình thương tích do tai nạn gây ra ở ngành này nhưng các số liệu về người lao động mắc các loại bệnh nghề nghiệp lại khá quan trọng. Những người mắc bệnh nghề nghiệp (chẳng hạn như bệnh dị ứng do hít phải nhiều bụi, khả năng nghe giảm và chịu các tác động của chấn động) là những người mất khả năng lao động sớm hay thậm chí bị chết yểu do những nguyên nhân trực tiếp của công việc. Khi mà vấn đề người lao động phải tiếp xúc với các nguy hiểm trong công việc đang được đặc biệt quan tâm¹ thì ngành khai thác, mặc dù đã có những nỗ lực đáng kể ở một số bộ phận để tăng cường độ an toàn trong công việc, vẫn là một ngành nguy hiểm nhất¹¹.

- **Trong ngành xây dựng**, có ít nhất 60.000 người bị tử vong tại công trình xây dựng mỗi năm. Hàng trăm ngàn người phải chịu thương tật nghiêm trọng và sức khoẻ yếu kém. Những con số đưa ra ở trên chỉ là ước tính dè dặt. Ở nhiều quốc gia, chỉ gần 20% các vụ thương tích trong quá trình xây dựng được báo cáo lại và vẫn chưa có sự quan tâm thích đáng về những tác động dài hạn các loại bệnh nghề nghiệp trong ngành này. Nguyên nhân chính dẫn đến tử vong trong ngành này bao gồm việc ngã từ trên cao, thương do va đập dẫn đến tử vong, vật nặng rơi vào người và điện giật. Các yếu tố chủ yếu ảnh hưởng đến sức khoẻ bao gồm điếc do hội chứng chấn động, thương tổn lưng, các rối loạn về cơ khác và việc tiếp xúc với các chất độc hại (dung môi, izoxianat, các loại thuốc trừ sâu trong gỗ, các loại chất hoá học để duy trì độ ẩm, chất làm cháy chậm, khói hàn) và các loại bụi và sợi (bụi ximăng, silic, bụi gỗ, tấm xơ gỗ và độc hại nhất là amiăng). Căng thẳng là một yếu tố phổ biến nữa bên cạnh các yếu tố khác ảnh hưởng đến sức khoẻ người lao động, mà điển hình là sự lo lắng về việc bị ngã từ trên cao xuống. Những người thợ xây dựng thường phải sống xa gia đình với điều kiện ăn ở kém, đặc biệt là ở các quốc gia đang phát triển. Bệnh lao phổi, bệnh tả, xuất huyết, sốt rét và HIV/AIDS do đó có thể là mối đe dọa lớn đối với người lao động¹².

¹⁰ ILO: *Occupational Safety and Health in Agriculture – Introduction*. Online at www.ilo.org/public/english/protection/safework/agriculture/intro.htm

¹¹ ILO: *Mining – Safety and Health*. Online at www.ilo.org/public/english/dialogue/sector/sectors/mining/safety.htm

¹² F. Murie: *Preventing injuries and ill-health in the construction industry*, in ILO: *Labour Education 2002/1, Number 126* (Geneva, 2002). Online at

- **Ngành đánh bắt cá** là một trong những ngành nghề nguy hiểm nhất ở rất nhiều quốc gia. ở úc, từ năm 1982 đến 1984, tỷ lệ ngư dân đánh bắt cá bị chết là 143/100.000 một năm so với mức trung bình của thế giới là 8,1/100.000. ở Đan Mạch, từ 1989 đến 1996, tỷ lệ ngư dân chết cao gấp 25 đến 30 lần tỷ lệ người lao động làm việc trên đất liền. ở Mỹ, năm 1996, tỷ lệ ngư dân chết cao gấp 6 lần tỷ lệ tử vong của người làm nghề lái xe mô tô, gấp 16 lần so với tỷ lệ chết của các ngành như cứu hỏa và cảnh sát và hơn 40 lần so với tỷ lệ chết trung bình của quốc gia. ở Trung Quốc, hơn 400 ngư dân bị thông báo là tử vong trong các tai nạn mỗi năm. ở Tunisia, năm 1994, tỷ lệ người chết trong ngành đánh bắt cá cao gấp hai lần so với tỷ lệ người lao động tử vong của toàn quốc¹³.

- **Ngành phá tàu** cũng là một ngành đặc biệt nguy hiểm, không chỉ ở những nơi có vị trí đầu cầu như châu á vốn đang phát triển ngành này. Sự an toàn của người lao động trong ngành bị đe dọa bởi không có những biện pháp phòng ngừa cơ bản cũng như không hề có kế hoạch công việc và hướng dẫn người lao động. Một loạt những nguy hiểm tiềm tàng có thể xảy ra với người lao động do không hề có một quy tắc chuẩn mực nào về việc một con tàu phải đảm bảo một điều kiện như thế nào khi muốn tiến hành phá hủy. Những hiểm nguy này bao gồm khả năng tiếp xúc với các chất độc hại và các chất nguy hiểm khác, mà điển hình là các chất gây ung thư. Những người lao động, thường là dân di cư, thường phải sống trong điều kiện thiếu thốn và gần nơi phá tàu. Tiếng ồn, điều kiện vệ sinh kém và việc phải tiếp xúc với sự ô nhiễm từ địa điểm phá tàu sẽ có tác động ngắn hạn cũng như dài hạn lên sức khỏe của họ. Các tiêu chuẩn thấp về hệ thống báo cáo có nghĩa là các số liệu thống kê về tình hình an toàn và vệ sinh lao động trong ngành này là không đáng tin cậy¹⁴.

- Người lao động trong những **ngành phi kết cấu ở cả nông thôn lẫn thành phố** phải đối mặt với những vấn đề nghiêm trọng về an toàn và vệ sinh. Các khái niệm về phi kết cấu rất khác nhau. Nó bao gồm rất nhiều các công việc tạm thời, và chủ yếu ở các nước đang phát triển, ở đó người lao động không có một mối liên hệ chính thức với người thuê mình. Một số công việc bản thân nó đã rất nguy hiểm ví dụ như việc thu gom và xử lý rác thải. Tổng quát hơn, những người lao động không chính thức thường phải làm việc trong môi trường lao động kém và không được hưởng những phúc lợi xã hội thoả đáng. Vì hiển nhiên là người lao động làm việc trong những ngành này sẽ không được hưởng các dịch vụ chăm sóc sức khỏe nghề nghiệp cho nên các số liệu thống kê chính xác về tình hình tai nạn, thương tật và đau ốm trong ngành này là rất hiếm. Tuy nhiên, tỷ lệ thương tật và ốm đau ít nhất cũng phải bằng hoặc cao hơn so với các ngành làm việc chính thức¹⁵. Thường thì nơi ở chật hẹp của các lao động không chính thức cũng là nơi làm việc của họ. Họ và gia đình của mình do đó liên tục là đối tượng phải chịu tác động trực tiếp từ những nguy hiểm trong công việc cũng như việc ô nhiễm môi trường. **Khu vực làm việc phi kết cấu** hiện nay phát triển với tốc độ không ngừng. Theo báo cáo gần đây của ILO¹⁶, ngành này có số lượng người lao động chiếm tới 1/2 số người lao động trên thế giới. ở một số quốc gia, chẳng hạn như Bangladesh, Mali, Nepal và Pakistan, số

www.ilo.org/public/english/dialogue/actrav/publ/126/index.htm

¹³ ILO: *Safety and health in the fishing industry*, report for discussion at the Tripartite Meeting on Safety and Health in the Fishing Industry, Geneva, 1999. Online at www.ilo.org/public/english/dialogue/sector/techmeet/tmfi99/tmfir.htm

¹⁴ ILO: *Draft guidelines on safety and health in shipbreaking*, report for the 26 Safety-in-Numbers-English2.doc Interregional Tripartite Meeting of Experts on Safety and Health in Shipbreaking for Selected Asian Countries and Turkey, Bangkok, 20-27 May 2003 (Geneva, 2003). Online at www.ilo.org/public/english/protection/safework/sectors/shipbrk/draft_guide.pdf

¹⁵ Loewenson R. Health impact of Occupational Risks in the Informal Sector in Zimbabwe, ILO Geneva, available at: <http://www.ilo.org/public/english/protection/safework/papers/infzimb/index.htm>

¹⁶ ILO: *Decent work and the informal economy*, Report VI, International Labour Conference, 90th Session, June 2002, Geneva. ISBN 92-2-112429-0. Online at <http://www.ilo.org/public/english/standards/relm/ilc/ilc90/pdf/rep-vi.pdf>

người lao động trong ngành làm việc không chính thức chiếm tới 70% lực lượng lao động. ở thập kỷ trước, ngành lao động không chính thức đã tạo ra khoảng 90% việc làm mới ở các nước châu Phi. Theo ILO thì việc thiếu sự bảo vệ về mặt pháp lý và xã hội cũng như không hướng dẫn cho người lao động về các quyền của họ tại nơi làm việc đang là một tình trạng phổ biến ở rất nhiều quốc gia, và nó đã trở thành một phần cố hữu của quá trình toàn cầu hoá hiện nay. Báo cáo nhấn mạnh, nếu như chúng ta không xác định được những nguyên nhân sâu xa của việc hình thành ngành làm việc không chính thức thì sẽ không có một bước tiến vững chắc nào trong nỗ lực đưa những ngành đó trở thành ngành làm việc chính thức, nghiêm túc và được bảo vệ. Vấn đề này đặt ra nhiệm vụ phải có một chiến lược hợp nhất để giải quyết những nguyên nhân đó.

Thậm chí chỉ trong một ngành thì cũng có những công việc nguy hiểm hơn những công việc khác. ILO đã công bố dữ liệu về các loại nguy hiểm ở một số ngành điển hình.

2.9 Giới tính

Ngoại trừ ngành nông nghiệp, ở các ngành và trong công việc nguy hiểm nhất thế giới thì nam giới vẫn chiếm phần lớn. Theo ước tính của ILO thì trong khoảng 80% các vụ tử vong trên thế giới mà có liên quan tới công việc thì nạn nhân là nam giới. ở những nước có thu nhập cao, tỷ lệ này là 86%. Tại những nước có thu nhập thấp, nơi có các bệnh lây nhiễm khá phổ biến và tỷ lệ người lao động làm trong ngành nông nghiệp cao hơn rất nhiều so với các nước có thu nhập cao thì không có sự chênh lệch lớn về tỷ lệ tử vong đối với nam giới và nữ giới.

Những cuộc điều tra mới đây về các gia đình được tiến hành ở một số nước đã chỉ ra rằng, trong ngành nông nghiệp truyền thống tỷ lệ tai nạn và ốm đau đối với cả hai giới là tương đối bằng ngang nhau. Đặc biệt, những hậu quả gây tàn tật suốt đời và khiến người lao động không thể tiếp tục làm việc được, chẳng hạn như rối loạn về cơ xương, lại phổ biến ở lao động nữ hơn. Những công việc này thường là những công việc có mức lương thấp. Số đông các lao động nữ làm việc trong lĩnh vực nông nghiệp là ở các nước đang phát triển. Họ thường được phân công làm những công việc nguy hiểm nhất, chẳng hạn như pha và phun thuốc trừ sâu. Thường thì họ không có những thông tin và các biện pháp bảo vệ phù hợp. Hậu quả là họ thường bị nhiễm độc và một vài trường hợp dẫn đến tử vong. Công việc nặng nhọc vào các mùa vụ cũng dẫn đến nguy cơ cao của việc đẻ non, chết sau khi sinh và suy nhược sau khi đẻ của cả mẹ và con.

Tỷ lệ lao động nữ làm việc trong các ngành công nghiệp và dịch vụ trên thế giới đang tăng lên nhanh chóng trong suốt hai thập kỷ qua. Tại rất nhiều nước, nữ chiếm tới 50% lực lượng lao động và sẽ sớm trở thành lực lượng lao động chính. Ngày càng có nhiều lao động nữ làm việc trong những ngành phi kết cấu . Điều này cho thấy cần thiết phải có sự thay đổi trong các dịch vụ về an toàn và vệ sinh lao động vốn hoạt động trên cơ sở coi nam giới là lực lượng lao động chủ chốt.

Tuy nhiên, trên thực tế vẫn còn sự phân biệt lớn giữa công việc của nam giới và công việc của nữ giới . Điều này cũng ảnh hưởng tới mức độ tiếp xúc với các nguy hiểm nghề nghiệp nhất định. Ví dụ như tỷ lệ nữ giới trong ngành chăm sóc sức khỏe mắc các bệnh thương tổn về lưng cao có liên quan tới cả bản chất của công việc và cả việc chỉ chọn nữ giới làm nghề y tá. Tỷ lệ bị căng thẳng cao ở nữ giới cũng là do tính chất của công việc. Họ luôn phải làm việc ở nhịp độ cao, làm những việc lặp đi lặp lại mà không có cơ hội được thể hiện sự sáng tạo hay được quyết định. Cũng chính vì lý do này mà tình trạng căng thẳng thường xuất hiện nhiều ở các lao động nữ làm việc trong các ngành công nghiệp. Một nguyên nhân khác là do nữ giới phải chịu một khối lượng công việc gấp đôi so với nam giới nữ giới phải đảm trách cả công việc ở cơ quan cũng như ở nhà.

ở mọi nơi trên thế giới, cơ thể của nữ giới và nam giới phản ứng không khác nhau mấy với những nguy hiểm về mặt thể chất, sinh học và hoá học. Và sức khỏe trung bình của nam giới cũng không

khác mấy so với nữ giới¹⁷. Một nghiên cứu gần đây về vấn đề an toàn và vệ sinh lao động liên quan đến giới tính đã chỉ ra rằng sở dĩ có sự chênh lệch về lực lượng lao động giữa hai giới đó chủ yếu là do sự khác nhau của bản thân mỗi người chứ không phải là do sự khác biệt về mặt sinh học giữa hai giới¹⁸.

Nhìn chung, một công việc mà đã không an toàn đối với giới này thì cũng không thể an toàn đối với giới kia¹⁹.

2.10 Lao động trẻ em

Theo ước tính của ILO thì số lượng lao động trẻ em trên toàn thế giới, tuổi từ 5 □ 14 là 250 triệu. Gần nửa trong số đó- khoảng 120 triệu- phải làm việc cả ngày. Rất nhiều trẻ em làm việc trong các ngành độc hại và sự bóc lột sức lao động mà điển hình là ngành nông nghiệp, khai thác than và đá, làm gạch, dệt thảm, xây dựng, thuộc da, bắt cá dưới biển sâu, ngành làm pháo hoa và diêm, làm việc ở nhà, mại dâm và tội phạm.

Trẻ càng nhỏ thì càng dễ bị tổn thương đối với những nguy hiểm tại nơi làm việc và với việc bị bóc lột lao động. Kết quả điều tra của ILO chỉ ra rằng ở một số khu vực, có tới 20% lao động là trẻ em ở tuổi dưới 10. Kết quả điều tra cũng cho thấy các em gái thường làm một số công việc tồi tệ nhất với điều kiện làm việc vô cùng kém. Việc thuê lao động trẻ em trong hầu hết các trường hợp là vi phạm pháp luật. Do đó, rất nhiều nơi làm việc thuê lao động trẻ em dưới **hình thức** bán công khai và thường những công việc này cũng không an toàn và vệ sinh đối với cả người lớn.

Định nghĩa về □các loại hình lao động trẻ em tồi tệ nhất□ mà ILO sẽ đưa ra chính là sự cảnh báo về tính cấp thiết của vấn đề lao động trẻ em bao gồm đoạn □đó là những công việc, dựa trên bản chất tự nhiên và hoàn cảnh làm việc của nó, có khả năng làm hại tới sức khỏe, sự an toàn và đạo đức của trẻ em□²⁰

2.11. HIV/AIDS

Trên 42 triệu người trên hành tinh này đã bị nhiễm HIV. Trong số này, ILO ước tính có khoảng 26 triệu là lao động tuổi từ 15 đến 49, có nghĩa vẫn còn đang trong giai đoạn đầu của thời gian làm việc. Do đó, các doanh nghiệp, nền kinh tế các quốc gia cũng như người lao động và gia đình họ phải chịu hậu quả. ILO dự đoán rằng lực lượng lao động ở các quốc gia có trình độ cao tới năm 2020 sẽ giảm từ 10% đến 30% so với trường hợp nếu không có HIV/AIDS. Đại dịch này làm giảm khả năng cung ứng lao động và dẫn đến việc mất các kỹ năng, công sức huấn luyện. Đồng thời chi phí lao động tăng lên do ốm đau và nghỉ việc.

¹⁷ *Analysis of manual lifting tasks: a qualitative alternative to the NIOSH Work Practice Guide*, in American Industrial Hygiene Association Journal 50 (3) (1989). (ref: CIS-90-680).

¹⁸ M. Frankenhaeuser, U. Lundberg & M. Chesney (ed.): *Women, Work and Health (stress and opportunities)*. The Plenum Series on Stress and Coping. Plenum Press. New York & London. 1991. Bernhard Badura and Ilona Kickbusch (ed.): *Health Promotion Research: Towards a new social epidemiology*. WHO Regional Publications, European Series No.37. WHO Regional Office for Europe (Copenhagen, 1991)

¹⁹ For more information on the gender aspects of occupational safety and health, see the ILO's special web pages at www.ilo.org/public/english/protection/safework/gender/womenwk.htm

²⁰ See the web pages of the ILO's International Programme on the Elimination of Child Labour (IPEC) at www.ilo.org/public/english/standards/ipec - in particular, *Eliminating Hazardous Child Labour Step By Step*.

HIV/AIDS tấn công mạnh mẽ vào những nhóm người dễ bị tổn thương nhất trong xã hội, bao gồm những người nghèo nhất trong số những người nghèo, phụ nữ và trẻ em, làm trầm trọng thêm những vấn đề vốn gây đau đầu cho xã hội như bảo hộ xã hội không đầy đủ, bất bình đẳng về giới và lao động trẻ em. Theo Quy phạm Thực hành về HIV/AIDS và Thế giới Việc làm, có một số loại hình công việc nhất định có nguy cơ nhiễm **cao** hơn so với các ngành khác, mặc dù luật này cũng chỉ ra rằng vấn đề cốt yếu của đại dịch **trên** chính là hành vi của con người chứ không phải yếu tố nghề nghiệp. Nguy cơ nhiễm bệnh thường xảy ra đối với những người thường phải làm việc xa nhà, ở những vùng xa xôi, ít có điều kiện tiếp xúc xã hội và không được hưởng dịch vụ chăm sóc sức khoẻ tốt. Ngoài ra, nguy cơ nhiễm bệnh còn xảy ra với những người làm công việc phải trực tiếp tiếp xúc với máu người hay các sản phẩm máu song các biện pháp phòng ngừa không được áp dụng đầy đủ.

Sự phân biệt đối xử với những người nhiễm HIV ở nơi làm việc tạo ra một bầu không khí sợ hãi và thù địch giữa những người lao động và thậm chí còn khiến đại dịch này lây lan hơn. Tuy nhiên, các chính sách làm việc phù hợp cũng như cung cấp thông tin đầy đủ và tổ chức các khoá đào tạo giáo dục cho người lao động có thể giúp cho việc đấu tranh chống lại đại dịch này tại nơi làm việc và tạo sự thông cảm hơn đối với người lao động bị nhiễm HIV/AIDS.

2.11 Thanh tra lao động

Hầu hết các thách thức kể trên đều có thể giải quyết được nếu có được một hệ thống thanh tra với đầy đủ các chức năng của mình. 129 quốc gia thành viên của ILO đã thông qua công ước số 81 của ILO, và coi đó là công cụ có hiệu lực nhất và là nền tảng để đưa ra các chính sách phòng ngừa, để thiết lập mối quan hệ cộng tác về mặt kỹ thuật cũng như để tuyên truyền về một văn hoá vệ sinh và an toàn.

Như người xưa từng nói, phòng bệnh hơn chữa bệnh, ngày nay hầu hết các hệ thống thanh tra lao động không chỉ dừng lại ở việc tư vấn kỹ thuật về các vấn đề an toàn và vệ sinh mà còn tiến xa hơn nữa nhờ việc tư vấn, thông tin và tuyên truyền. Song song với việc tư vấn về mặt chuyên môn, trên cơ sở tham gia vào quá trình đề ra các tiêu chuẩn về lao động cũng như vào việc giám sát lao động trẻ em, thanh tra lao động có cơ hội được đóng góp ý kiến vào việc đề ra các quy định và thể chế pháp luật mới bằng việc thông báo cho các cơ quan chức năng biết những khe hở của pháp luật hiện hành.

Những người ủng hộ quá trình công nghiệp hoá nhanh không phải lúc nào cũng nhận thức được cái giá phải trả của quá trình công nghiệp hoá, cái giá đó là sự chịu đựng của con người phải và sự xuống cấp của môi trường. Kết quả là nguồn lực tài chính thiếu thốn không thể tài trợ cho hoạt động thanh tra, sự yếu kém về mặt tổ chức của hầu hết các ban thanh tra dẫn đến tình trạng thiếu cán bộ, cơ sở vật chất, trang thiết bị và phương tiện đi lại.

Thực tế, các thanh tra lao động trong tương lai đóng một vai trò rất quan trọng trong việc phân tích và phòng tránh các nguy hiểm tiềm tàng trong công việc. Các cơ quan chức năng cũng đã nhận thức được điều này và đang nỗ lực tăng cường tính hiệu quả và thực thi của các ban thanh tra lao động. Hàng loạt các chương trình hành động quốc gia về công tác phòng ngừa trong lao động đã được các ban thanh tra trên toàn thế giới tiến hành thực hiện nhằm góp phần tạo dựng các điều kiện làm việc nghiêm túc.

Do đó, trong nền kinh tế toàn cầu ngày nay, liệu các biện pháp an toàn có đem lại ích lợi gì không? Chúng ta sẽ đề cập về vấn đề này trong chương tiếp theo.

3. Lợi ích của việc bảo đảm an toàn

3.1. Có phải các biện pháp để đảm bảo an toàn và vệ sinh lao động tốn quá nhiều tiền?

Câu hỏi này được đặt ra dưới nhiều dạng và trong nhiều hoàn cảnh. Liệu các quốc gia đang phát triển và mới tiến hành công nghiệp hoá có đủ khả năng tiến hành các biện pháp an toàn và vệ sinh tốt nhất tại nơi làm việc, hay là chúng chỉ làm chậm lại nỗ lực phát triển của các nước này? Trong bối cảnh quá trình toàn cầu hoá nhanh chóng của nền kinh tế, liệu các nước công nghiệp hoá có hạ thấp các tiêu chuẩn về an toàn và vệ sinh lao động để có thể cạnh tranh được? Tương tự, liệu các doanh nghiệp có phải cắt giảm chi tiêu cho vấn đề an toàn và vệ sinh lao động khi họ có ý định bảo vệ và mở rộng thị phần thị trường của mình?

Không đi vào khía cạnh đạo đức của các mối quan ngại trên, các bằng chứng mà ILO và các tổ chức khác thu thập được cho thấy đúng ra thì nên đặt câu hỏi là liệu có quốc gia nào hay một doanh nghiệp nào vẫn có thể tồn tại được mà không có các tiêu chuẩn cao nhất về an toàn và vệ sinh tại nơi làm việc?

3.2. Chi phí các vụ tai nạn và bệnh tật liên quan tới công việc: 1.250.000 triệu USD một năm

Vẫn chưa có một cách thức phổ biến để tính toán gánh nặng về kinh tế của các vụ tai nạn và bệnh tật liên quan tới công việc. Bất cứ cách tính nào về chi phí mà mỗi xã hội và cả mỗi doanh nghiệp phải trả đều phải dựa trên một số tiêu thức nào đó.

Trên cơ sở một hệ thống bồi thường nhất định, ILO ước tính rằng 4% của tổng thu nhập quốc nội (Gross Domestic Product GDP một trong những chỉ số phổ biến nhất để xác định mức độ giàu có của một quốc gia) đã phải chi trả cho các vụ tai nạn và bệnh tật có liên quan tới công việc.

Năm 2001, 4% tổng thu nhập quốc nội của toàn thế giới có giá trị khoảng 1.251.353 triệu USD²¹.

Tỷ lệ ước tính trên là mức trung bình của toàn thế giới và đây là tiêu chí ban đầu cho thấy toàn thế giới đã thiệt hại bao nhiêu trong các vụ tai nạn, thương tật và ốm đau liên quan đến công việc. Một quốc gia hay một khu vực có tỷ lệ tai nạn cao hơn mức trung bình sẽ bị thiệt hại nhiều hơn.

Ví dụ như ở châu Mỹ la tinh, tại một cuộc hội thảo của các chuyên gia do Ngân hàng phát triển châu Mỹ tổ chức vào năm 2000, người ta đã chỉ ra rằng do thiếu nhận thức và thực thi kém cơ chế pháp lý về vấn đề an toàn lao động mà 80% lực lượng lao động của châu Mỹ la tinh, vốn đang tăng rất nhanh, tức là vào khoảng 200 triệu người, phải đối mặt với các nguy hiểm về tai nạn và sức khoẻ và gây thiệt hại hàng năm khoảng 76 triệu đôla. Dù thông tin về các vụ tai nạn và bệnh tật liên quan đến công việc còn thiếu do báo cáo không đầy đủ và việc ghi nhận về các tai nạn và thương tật không thống nhất nhưng số liệu đưa ra tại cuộc hội thảo trên cho thấy các quốc gia đang phát triển phải chịu những thiệt hại to lớn do các vụ tai nạn, tử vong và bệnh tật có liên quan tới công việc gây nên, và các thiệt hại này chiếm tới 10% của tổng sản phẩm quốc nội GDP²².

²¹ Based on the World Bank's calculation that total world GDP in 2001 was US\$31,283,839 million – see www.worldbank.org/data/databytopic/GDP.pdf

²² Inter-American Development Bank: press release of 20 June 2002. Online at www.iadb.org/exr/prensa/2000/cp11900e.htm

Các thiệt hại này không thể chia theo tỷ lệ với các thảm họa. Quốc gia hay khu vực nào càng nghèo thì nền kinh tế của quốc gia hay khu vực ấy càng dễ bị tác động bởi những bất cứ thiệt hại nào nó phải gánh chịu trong đó có thiệt hại do các tai nạn, thương tật và ốm đau liên quan tới công việc gây ra. Mặt khác, các quốc gia giàu hơn chắc chắn sẽ có tỷ lệ ghi chép và bồi thường thương tật cao hơn cũng như chi trả nhiều hơn cho mỗi trường hợp.

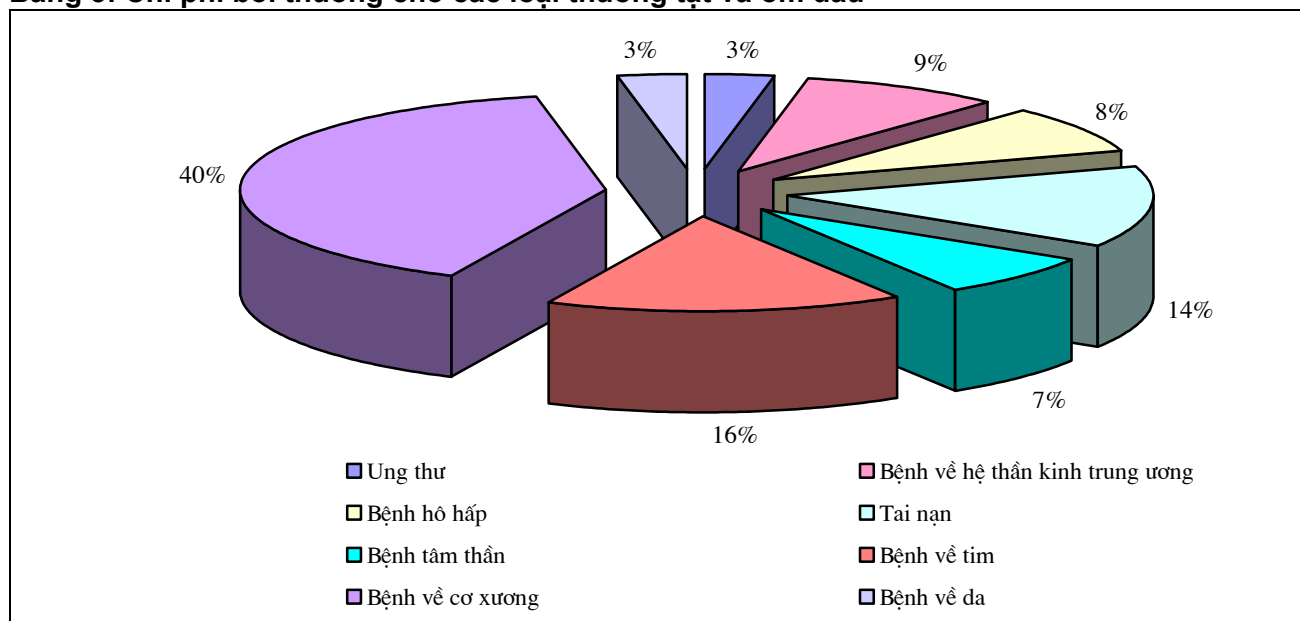
Cuối cùng, mặc dù hầu hết các lao động trên thế giới không được đảm bảo bồi thường khi gặp thảm họa thì gánh nặng tổng thể lên xã hội và mỗi cá nhân cũng vẫn như nhau.

Cũng cần phải bổ sung thêm rằng số liệu trên của ILO chỉ lấy một tỷ lệ nhỏ các trường hợp mắc bệnh ung thư do liên quan tới công việc để tính toán, vì các trường hợp mắc bệnh thường không được báo cáo đầy đủ và người lao động cũng thường là không được bồi thường gì cả. Thêm vào đó, các loại bệnh lây nhiễm do liên quan đến công việc cũng không được đem ra tính toán ở đây.

Cách thức tính toán mức độ thiệt hại dựa trên số tiền phải bồi thường cũng cho thấy một bức tranh không đầy đủ về các trường hợp tử vong. Thường thì các trường hợp tàn tật suốt đời còn tốn kém gấp nhiều lần so với các trường hợp tử vong dù rằng sự tính chất đau thương của nó lại không bằng.

Tuy nhiên, bảng 4 được tính toán dựa trên chi phí đền bù thiệt hại của Phần Lan²³ cho các trường hợp hợp bệnh tật có liên quan tới công việc và các chi phí liên quan khác - chắc chắn chính xác khi xác định khoản bồi thường cho các rối loạn về cơ xương là lớn nhất. Các loại bệnh khiến người lao động phải xin nghỉ tương đối dài ngày, ví dụ như đau lưng dưới, mới là gánh nặng tài chính đối với xã hội. Mặc dù ở các nước đang phát triển chúng không phải là các loại bệnh phải bồi thường nhưng những gánh nặng kinh tế do chúng gây ra ở những nước này vẫn giống như ở các nước công nghiệp hoá khác vì các nạn nhân và người thân của họ phải trực tiếp trang trải các chi phí để điều trị.

Bảng 3: Chi phí bồi thường cho các loại thương tật và ốm đau



Ngoài các khoản chi bồi thường, xã hội còn phải chi các khoản phí khác phát sinh do có liên quan một phần tới các trường hợp tai nạn và bệnh tật có liên quan tới công việc, bao gồm có:

²³ Economics of the Working Environment, Ministry of Social Affairs and Health, Finland 1997

- **Nghỉ hưu sớm:** ở những nước có thu nhập cao, khoảng 40% các trường hợp nghỉ hưu trước thời hạn so với quy định của pháp luật là do bị tàn tật. Tính trung bình, nghỉ hưu sớm làm rút ngắn thời gian làm việc của một lao động xuống 5 năm và tương ứng với 14% khả năng lao động của toàn bộ lực lượng lao động.

- **Tình trạng nghỉ việc:** Mỗi ngày có khoảng 5% lực lượng lao động xin nghỉ việc (trung bình nghỉ 5,4 ngày trong thời gian làm việc 6 tháng, xem bảng 4). Tỷ lệ này thay đổi từ 2% tới 10% tùy theo từng lĩnh vực, từng loại hình công việc cũng như tính chất quản lý ở mỗi ngành, công việc.

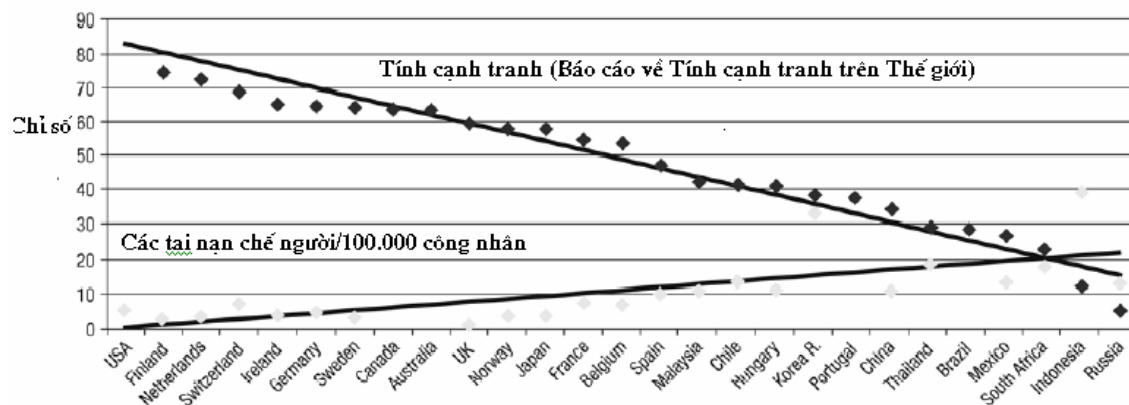
- **Thất nghiệp:** Có một số lượng lớn những người lao động bị giảm khả năng làm việc khiến họ không thể tìm được việc làm nữa. Thế nhưng việc sút giảm khả năng lao động lại không phải là điều kiện đủ để đưa tên họ vào trong danh sách bồi thường hoặc quỹ trợ cấp tàn tật. Trung bình có khoảng 1/3 trong số những người thất nghiệp đang phải chịu hoàn cảnh này (xem bảng 4)

- **Các hộ gia đình bị nghèo đi:** Thương tật nghề nghiệp xảy ra với một người lao động có thể làm giảm phần lớn thu nhập của gia đình người đó. Ví dụ ở Mỹ, những người lao động bị tàn tật một phần do bị thương tại nơi làm việc mất khoảng 40% thu nhập trong vòng 5 năm. Thu nhập mất đi do mỗi vụ thương tật lên tới 8.000 USD trong thời hạn 10 năm, trong đó tỷ lệ thu nhập mất đi của nữ cao hơn của nam. Các trường hợp thương tật và ốm đau tại nơi làm việc thường làm giảm tổng thu nhập của các hộ gia đình. Trong rất nhiều trường hợp, các thành viên khác trong gia đình còn phải bỏ việc để chăm sóc cho người thân bị thương. Một nghiên cứu của Viện Rand đã tính được chi phí mà các thành viên trong gia đình phải bỏ ra để chăm sóc cho thành viên khác trong gia đình bị thương là 6,2 triệu ngày làm việc một năm ở Mỹ □ tương đương 162 triệu đôla²⁴.

3.3 An toàn và tính cạnh tranh

Không có một số liệu thống kê nào chứng tỏ các nền kinh tế có các tiêu chuẩn về an toàn và vệ sinh lao động thấp hơn lại trở nên cạnh tranh hơn. Ngược lại, nghiên cứu của ILO cho thấy nhìn chung các quốc gia có điều kiện lao động an toàn tốt nhất cũng là những nước có chỉ số về tính cạnh tranh cao nhất.

Bảng 4: Tính cạnh tranh và độ an toàn lao động.



Nguồn: ILO, lấy từ dữ liệu của IMD và ILO

Một trong những bảng xếp hạng chính xác nhất về mức độ cạnh tranh của các quốc gia là bảng xếp hạng được Viện Phát triển Quản lý Quốc tế IMD ở Lausanne công bố mỗi năm²⁵. Bảng này phân tích

²⁴ OSHA: *Add Value. To Your Business. To Your Workplace. To Your Life.* in Job Safety and Health Quarterly, Fall 2002 (Washington DC).

²⁵ IMD: *World Competitiveness Yearbook* (Lausanne). For online information, see www02.imd.ch/wcy/

tính cạnh tranh của 60 nền kinh tế dựa trên 320 tiêu chí. ILO xây dựng biểu đồ so sánh giữa số xếp hạng của IMD vào năm 2002 về độ cạnh tranh với những xếp hạng của mình về độ an toàn và vệ sinh trong lao động của các quốc gia.

Các kết quả so sánh được biểu hiện ở bảng 5. Chúng cho thấy có một mối liên hệ mật thiết giữa việc đảm bảo an toàn và vệ sinh lao động tốt với sức cạnh tranh cao ở mỗi quốc gia. So sánh tương tự, sử dụng các đánh giá về tính cạnh tranh của Diễn đàn kinh tế Thế giới cũng cho kết quả như vậy²⁶.

3.4. Đối với các doanh nghiệp: vấn đề an toàn và kết quả hoạt động kinh doanh

Rất nhiều các công ty đứng đầu trên thế giới đều công nhận rằng ngoài việc mang lại phúc lợi cho những người lao động của mình, thực hiện an toàn trong doanh nghiệp còn giúp doanh nghiệp đạt được những tiêu chuẩn cao nhất về an toàn vệ sinh lao động.

ảnh hưởng của việc không đảm bảo được an toàn và vệ sinh lao động đối với hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm có

- Tỷ lệ người lao động vắng mặt cao hơn và thời gian chết nhiều hơn, dẫn đến sụt giảm về năng suất, sử dụng không hết công suất của nhà máy sản xuất vốn được xây dựng tốn kém và có thể dẫn đến giảm năng suất theo quy mô.
- Tinh thần lao động thấp dẫn đến sụt giảm năng suất
- Mất những người lao động lành nghề và giàu kinh nghiệm, cộng thêm thiệt hại của doanh nghiệp vì đã đầu tư vào huấn luyện đào tạo người lao động
- Khó khăn trong việc tuyển dụng lại những lao động có trình độ cao
- Thanh toán các khoản bồi thường hoặc thiệt hại cho những người lao động bị thương tật hoặc ốm đau hoặc cho người thân của người lao động bị thiệt mạng và các chi phí liên quan đến pháp luật khác
- Thanh toán tiền phụ cấp nguy hiểm
- Phí bảo hiểm cao hơn
- Thiệt hại về vật chất đối với máy móc và nhà xưởng do các tai nạn gây ra
- Bị phạt
- Bất đồng với công đoàn, với các cơ quan nhà nước và/hoặc với người dân địa phương
- Thiệt hại về danh tiếng
- Mất khách hàng - đặc biệt là trong trường hợp doanh nghiệp là thầu phụ của một công ty lớn
- Trong một số trường hợp điển hình còn dẫn đến việc bị mất một phần hay toàn bộ giấy phép hoạt động.

Rõ ràng, thiệt hại trực tiếp đến công việc kinh doanh là rất lớn.

Tại Liên minh châu Âu, mỗi năm có gần 5 triệu lao động gặp tai nạn liên quan tới công việc và phải xin nghỉ việc từ 3 ngày trở lên, và khoảng hơn 5.500 người đã bị chết. Theo Ủy ban Châu Âu về An toàn và Vệ sinh tại Nơi làm việc, bên cạnh những thiệt hại về con người, các tai nạn trên còn có tác động rất lớn đến việc kinh doanh vì khoảng 150 triệu ngày làm việc đã bị mất và các chi phí bỏ ra rất nhiều mà mỗi ngành phải gánh lên tới 20 tỷ Euro²⁷.

²⁶ The corresponding graphic using the World Economic Forum data is included in the ILO report *Decent Work – Safe Work*.

²⁷ European Agency for Safety and Health at Work: *New tools to improve occupational safety and health and to increase the competitiveness of your business*, press release of 10 Sept. 2002 (Bilbao). Online in 11 EU languages at agency.osha.eu.int/news/press_releases/index_en.htm

Theo tính toán của Ủy ban An toàn và Vệ sinh Lao động Mỹ (OSHA)²⁸ thì các ngành kinh doanh ở Mỹ đã mất khoảng 170,9 tỷ đôla mỗi năm để chi cho các khoản có liên quan tới các vụ thương tật hoặc ốm đau có liên quan tới công việc khiến người lao động phải nghỉ làm trên 3 ngày. Có khoảng 864 các công ty Mỹ tham gia vào các chương trình phòng tránh tự nguyện □ thuộc các hệ thống của OSHA áp dụng tại các nơi làm việc với những chương trình về an toàn và vệ sinh lao động. Tại các công ty này, tỷ lệ các trường hợp bị thương và ốm đau liên quan tới công việc trung bình thấp hơn 54% so với các công ty khác hoạt động trong cùng một ngành. Đồng thời, số ngày làm việc bị mất đi của họ cũng thấp hơn các công ty khác từ 60 □ 80%. Theo hiệp hội những người tham gia các chương trình phòng tránh tự nguyện thì những nơi tham gia vào chương trình này đã tiết kiệm được hơn 1 tỷ đô la từ năm 1982 đến nay.

Tỷ lệ tai nạn, thương tật và ốm đau ở EU và Mỹ thuộc loại thấp nhất trên thế giới, nên chi phí mà các công ty thuộc các quốc gia khác phải gánh chịu có thể còn cao hơn.

Những ngành kinh doanh có thể tham khảo rất nhiều sách hướng dẫn thực hành sẵn có²⁹ khi muốn tiến hành phân tích về chi phí và lợi ích của việc đảm bảo an toàn và vệ sinh lao động.

Trong tương lai, ngành kinh doanh có thể sẽ phải đối mặt với những áp lực về mặt chính trị để bù đắp cho những gì mà giờ đây xã hội phải gánh chịu do những tai nạn, thương tích và ốm đau liên quan đến công việc gây ra. Một báo cáo của Tổ chức Y tế Thế giới trình lên cuộc gặp các vị bộ trưởng châu Âu năm 1999 đã viết □ đang có một mối lo ngại ngày càng tăng ở các quốc gia. Đó là việc công ty ngày càng phải chịu các khoản chi quá lớn về các trường hợp thương tật và ốm đau có liên quan tới công việc phát sinh do quản lý yếu kém vấn đề an toàn và các điều kiện về môi trường vệ sinh yếu kém. Quốc tế hoá vấn đề này có thể giảm gánh nặng về kinh tế lên xã hội.□³⁰

3.5. Danh tiếng và trách nhiệm

Giờ đây, rất nhiều các công ty bắt đầu bày tỏ sự quan tâm đặc biệt tới kết quả kinh doanh với ba nhân tố □ Lợi nhuận, Con người và Hành tinh - tức là đo lường không chỉ hoạt động kinh doanh của công ty mà còn cả hoạt động xã hội và môi trường.

Lý do của xu hướng tiến tới sự bền vững hay còn gọi là □trách nhiệm của doanh nghiệp đối với xã hội□ rất đa dạng song có một điều chắc chắn là giờ đây hình ảnh của một công ty có ảnh hưởng mạnh mẽ đối với hoạt động kinh tế của công ty đó. Các thị trường tài chính giờ đây đặc biệt quan tâm tới các tiêu chuẩn về đạo đức và xã hội của các công ty. Trong lĩnh vực kế toán cũng vậy, giờ đây người ta chú trọng hơn tới việc đánh giá các tài sản vô hình, bao gồm cả □tư bản về con người□.

Nếu các công ty báo cáo một cách trung thực rằng họ có các điều kiện lao động tốt thì điều này sẽ có tác dụng rất tốt tới kết quả tài chính của họ.

Không còn nghi ngờ gì nữa, vấn đề an toàn và vệ sinh lao động trở thành những nhân tố vô cùng quan trọng. Một trong những tài liệu đầy đủ và phổ biến nhất hướng dẫn các doanh nghiệp và các

²⁸ From the OSHA publication cited in note 10 above.

²⁹ Finnish Ministry of Social Affairs and Health: *The TYTA MODEL -Implement for Evaluating the Company's Working Environment Costs* (Tampere, 1999). Online at <http://www.ilo.org/public/english/protection/safework/whpwb/econo/tyta.pdf>

³⁰ World Health Organization Regional Office for Europe: *Towards good practice in health, environment and safety management in industrial and other enterprises*, report to the Third Ministerial Conference on Environment & Health, London 1999 (Copenhagen, 1999). Online at www.who.int/oeh/OCHweb/OCHweb/OSHpages/OSHDocuments/ROs/EURO/Good%20Practice.pdf

đối tượng khác lập báo cáo về sự bền vững đã được Hội Sáng kiến Báo cáo Toàn cầu (GRI) đưa ra³¹. Báo cáo của một công ty muốn phù hợp với những hướng dẫn đó thì nó phải bao gồm một loạt các chỉ tiêu trọng tâm sau:

- Các hoạt động thực tiễn về việc thông báo và ghi chép lại các tai nạn và bệnh tật nghề nghiệp xảy ra và chúng có liên hệ như thế nào với Quy định của ILO về việc ghi chép và thông báo các tai nạn và bệnh nghề nghiệp
- Mô tả công việc của các uỷ ban an toàn và vệ sinh hỗn hợp bao gồm vấn đề quản lý của uỷ ban, đại diện của người lao động và tỷ lệ lực lượng lao động tham gia trong uỷ ban
- Tiêu chuẩn xếp loại về thương tật, ngày làm việc bị mất, tỷ lệ vắng mặt và các trường hợp tử vong liên quan đến công việc (bao gồm cả những lao động ký hợp đồng thầu phụ)
- Mô tả các chính sách và chương trình hoạt động (cho nơi làm việc và tiến tới vượt khỏi phạm vi nơi làm việc) về vấn đề HIV/AIDS

Ngoài ra còn có các chỉ tiêu khác được đề cập đến trong hướng dẫn của GRI:

- Bằng chứng về sự tuân thủ các hướng dẫn của ILO về Hệ thống Quản lý Vệ sinh Lao động ³²
- Mô tả về các thoả thuận chính thức với các công đoàn và các tổ chức đại diện của người lao động khác về vấn đề an toàn và vệ sinh tại nơi làm việc và tỷ lệ người lao động tham gia vào các thoả thuận đó .

Việc sử dụng mẫu báo cáo của GRI hay không mang tính chất tự nguyện. Sự trung thực của báo cáo chắc chắn sẽ phụ thuộc một phần vào cách sắp đặt việc thẩm tra lại các báo cáo đó. Ví dụ, GRI chưa trực tiếp tiến hành kiểm tra tính chân thực của các báo cáo được làm theo các hướng dẫn của mình. Tuy nhiên, các tiêu chuẩn về việc kiểm tra tính chân thật hàng quý vẫn được đưa ra đều đặn.³³

Nhờ đó, tác động về mặt tài chính của các hoạt động lao động của các công ty, bao gồm cả việc thực hiện an toàn và vệ sinh lao động, chắc chắn sẽ tăng theo.

Ban lãnh đạo của các công ty lớn đều nhận thức rõ vấn đề này. Diễn đàn Kinh tế Thế giới (WEF) gần đây đã thực hiện một nghiên cứu đối với các lãnh đạo của 40 công ty đã ký vào bản tuyên bố chung về bốn phạm vi công dân toàn cầu³⁴ và thấy rằng vấn đề an toàn và vệ sinh của người lao động là một trong những vấn đề trọng yếu của bốn phạm vi trên.

Kết quả nghiên cứu cũng cho thấy một vài công ty đang bắt đầu đưa các yếu tố nghĩa vụ công dân của công ty vào cơ cấu xét khen thưởng đối với thành tích của những người làm nhiệm vụ quản lý. Hai vấn đề có mối liên hệ phổ biến nhất với đối với việc đánh giá các hệ thống hoạt động của công ty chính là sự an toàn của người lao động và sự đa dạng của người lao động, tiếp đó mới là vấn đề về đạo đức và môi trường. Do đó, không có gì đáng ngạc nhiên khi thấy an toàn là vấn đề trọng tâm

³¹ Global Reporting Initiative: *Sustainability Reporting Guidelines 2002* (Amsterdam, 2002). Online at www.globalreporting.org/guidelines/2002.asp

³² ILO Guidelines on Occupational Safety and Health Management Systems (ILO/OSH 2001). Online at www.ilo.org/public/english/protection/safework/managmnt/guide.htm

³³ Notably the AA1000 Assurance Standard, which was launched on 25 March 2003. See www.accountability.org.uk/news/default.asp?id=37

³⁴ World Economic Forum and Prince of Wales International Business Leaders Forum: *Responding to the Leadership Challenge: findings of a CEO survey on global corporate citizenship*. Online at www.weforum.org/pdf/GCCI/Findings_of_CEO_survey_on_GCCI.pdf

trong hệ thống đánh giá hoạt động và khen thưởng ở hầu hết các ngành công nghiệp nặng hay khai khoáng.

Về mặt tự nhiên, các công ty quan tâm tới danh tiếng của mình cũng quan tâm tới hệ thống cung cấp của công ty đó. Nghiên cứu của WEF đã sử dụng số liệu đánh giá về sự ổn định của các công ty năm 2002 trên cơ sở Các Chỉ số Dow Jones về sự Bền vững (DJSI). Việc tiến hành đánh giá sự ổn định của 1336 công ty do Ban Quản lý Tài sản Cố định tiến hành. Khi được hỏi về các chỉ tiêu mà mình áp dụng để lựa chọn và đánh giá các nhà cung cấp hàng hoá dịch vụ trên toàn thế giới thì hơn 20% trong số các công ty này đều coi vấn đề vệ sinh và an toàn lao động là chỉ tiêu phổ biến thứ hai sau chỉ tiêu về bảo vệ môi trường.

Rõ ràng, vấn đề đảm bảo an toàn mang lại lợi ích cho cả các quốc gia và các công ty.

4. Văn hoá an toàn trên toàn cầu.

4.1. Văn hoá về an toàn là như thế nào?

Sau khi các biện pháp an toàn đã thực sự mang lại kết quả, làm thế nào để chúng biến thành các kết quả mang tính toàn cầu?

ILO tin rằng văn hoá an toàn đóng vai trò quan trọng đối với cả người lao động, người sử dụng là động và cả các chính phủ. Có ba vấn đề cần phải nhấn mạnh ở đây:

- Việc cam kết và quản lý ở doanh nghiệp đóng một vai trò quan trọng. Các công ty đã thiết lập được hệ thống quản lý an toàn và vệ sinh lao động (OSH □ MS) theo những hướng dẫn của ILO, *ILO-OSH 2001*³⁵ sẽ có hệ thống ghi chép tốt hơn về tình hình an toàn cũng như hiệu quả sản xuất.
- Hoạt động công đoàn càng mạnh thì nơi làm việc càng an toàn hơn. Ngay cả những quy định chặt chẽ nhất về an toàn và vệ sinh lao động cũng chỉ phát huy tác dụng rất nhỏ nếu như đối tượng quan trọng nhất là người lao động không có thể cùng nhau bảo vệ được các lợi ích của mình. Sự tham gia của người lao động vào việc lên kế hoạch và điều hành hệ thống quản lý về an toàn và vệ sinh lao động ở doanh nghiệp ở đây mang ý nghĩa sống còn □ và tất nhiên bao gồm cả việc được tự do thành lập và tham gia vào các tổ chức công đoàn. Ví dụ như các tiêu chuẩn về an toàn rất cao được thiết lập ở Thụy Điển là do kết quả trực tiếp của các chính sách dài hạn về sự tham gia của người lao động vào hệ thống quản lý về an toàn và vệ sinh lao động và có một cơ chế ba bên hiệu quả.
- Các hoạt động về an toàn và vệ sinh lao động phải được thực hiện theo hoàn cảnh từng quốc gia nhưng cơ cấu hoạt động phải thống nhất trên toàn cầu. Đây là vấn đề quan trọng cả về mặt đạo đức cũng như thực tiễn. Về mặt đạo đức, đó là vì chúng ta không thể đánh giá giá trị của người lao động ở một số khu vực này thấp hơn giá giá trị của người lao động ở một số khu vực khác được. Còn về mặt thực tiễn, đó là vì trong nền kinh tế toàn cầu, chúng ta không thể cho phép sự lơ là đối với vấn đề về an toàn và vệ sinh lao động vì những quan niệm sai lầm về khả năng cạnh tranh.

Chương trình an toàn lao động SafeWork của ILO chúng tôi thiết thực của mình.. ILO là nơi tất cả những người lao động, những người sử dụng lao động trên thế giới cũng như các đại diện của chính phủ có thể gặp gỡ, bàn luận một cách bình đẳng. Và hiện nay ILO đang vận động thực hiện quy định về công việc nhân văn trên toàn thế giới. Tổng giám đốc văn phòng ILO Juan Somavia đã chỉ ra □ Công việc nhân văn phải là công việc an toàn, và chúng ta còn phải phấn đấu nhiều hơn nữa mới đạt đến được mục tiêu này.□³⁶

4.2. Các tiêu chuẩn của ILO

Cũng như về các vấn đề khác, ILO đặt ra hai loại tiêu chuẩn cho lĩnh vực an toàn và vệ sinh lao động: Công ước (mang tính pháp luật và bắt buộc) và các Khuyến nghị (bổ sung cho một công ước).

Hiện nay, có khoảng hơn 70 công ước của ILO có liên quan hoàn toàn hoặc một phần tới vấn đề về an toàn và vệ sinh lao động. Nhiều công ước đề cập đến các vấn đề có mối liên quan trực tiếp đến an toàn và vệ sinh □ ví dụ như quyền tự do của các nghiệp đoàn, đàm phán tập thể, thanh tra lao động, sự bình đẳng giới và lao động trẻ em³⁷.

³⁵ Xem phần ghi chú ở trên

³⁶ Trong bài phát biểu tại Geneva vào ngày 28 tháng 4 năm 2002, Workers' Memorial Day.

³⁷ ILO standards can be consulted online via www.ilo.org/ilolex

For the main ILO standards on safety and health, see www.ilo.org/public/english/protection/safework/standard.htm#cr

Các tiêu chuẩn về an toàn và vệ sinh lao động của ILO tập trung vào bốn loại hình chủ yếu sau :

- *Các chính sách hướng dẫn hành động*: Bao gồm Công ước An toàn và Vệ sinh Lao động (Số 155) và Khuyến nghị đi kèm (số 164) quy định việc áp dụng các biện pháp phòng ngừa toàn diện và thực thi chính sách quốc gia chặt chẽ về vấn đề an toàn và vệ sinh lao động. Các chính sách này cũng quy định trách nhiệm của những người sử dụng lao động phải tạo ra môi trường lao động sử dụng các thiết bị an toàn, không có những rủi ro nào đối với sức khoẻ cũng như quy định về quyền và nghĩa vụ của người lao động. Những chính sách khác có thể kể đến như Công ước về dịch vụ y tế lao động năm 1985 (số 161) và Bản khuyến nghị đi kèm (số 171) và Bản khuyến nghị về danh mục các bệnh nghề nghiệp (số 194).
- *Các ngành* : ILO có những công ước cụ thể đối với một số ngành nguy hiểm nhất, ví dụ như ngành khai thác mỏ, xây dựng và làm việc ở cảng. Một văn kiện quan trọng gần đây nhất là Công ước vấn đề an toàn và vệ sinh lao động trong ngành nông nghiệp, số 184 được thông qua vào năm 2001 cùng với bản khuyến nghị số 192.
- *Một số các mối nguy hiểm tác động tới nhiều ngành* : ví dụ như các chất hoá học, chất phóng xạ iông hoá, benzen, amiăng, bệnh ung thư nghề nghiệp, ô nhiễm không khí, tiếng ồn và chấn động.
- *Các biện pháp phòng ngừa*: ví dụ như che chắn máy móc, kiểm tra y tế đối với người lao động trẻ hoặc quy định trọng lượng tối đa mà một lao động có thể mang vác.

Thêm vào đó, ILO đã đưa ra trên 30 quy phạm thực hành về an toàn và vệ sinh lao động³⁸. Đây là những hướng dẫn thực tế giành cho các cơ quan chức năng nhà nước, những người sử dụng lao động và những người lao động có liên quan, các cơ quan bảo vệ và phòng ngừa chuyên trách, các doanh nghiệp và các uỷ ban về an toàn và vệ sinh. Các quy phạm thực hành không phải là các công cụ mang tính chất bắt buộc và không nhằm thay thế pháp luật hay các quy định, tiêu chuẩn quốc gia.

Ngoài ra ILO còn có nhiều đóng góp thiết thực khác bao gồm cả việc tổ chức một số chương trình về an toàn và vệ sinh trên cơ sở hợp tác với các tổ chức quốc gia và quốc tế khác. Một ví dụ điển hình là chương trình Quốc tế về An toàn Hoá học³⁹.

4.3. Hướng đi tiếp theo

ILO đã đề ra nhiều tiêu chuẩn về an toàn và vệ sinh trong những năm qua. Gần đây, xu hướng sử dụng các công cụ mang tính chính sách bắt buộc hơn chứ không phải là việc soạn thảo các tiêu chuẩn pháp lý chính xác đã trở nên phổ biến do nhận thức về thay đổi liên tục của các chất, các quá trình và kỹ năng giải quyết. Do đó, các tiêu chuẩn quốc tế phải thật linh hoạt mới có thể thích ứng được. Các tiêu chuẩn này cũng cần phải đề ra các đánh giá định kỳ đối với chính sách quốc gia cũng như đề xuất các biện pháp ở cấp độ quốc gia trên cơ sở các tiến bộ về khoa học kỹ thuật.

Tâm điểm của các quy định về an toàn và vệ sinh lao động đã chuyển từ an toàn ngành công nghiệp sang an toàn và vệ sinh tại nơi làm việc (nói cách khác là tạo ra môi trường làm việc tốt và phù hợp với người lao động). Các tiêu chuẩn về an toàn và vệ sinh hiện đại không chỉ phản ánh rõ trách nhiệm tập thể đối với sự an toàn tại nơi làm việc mà còn nêu rõ vai trò và trách nhiệm của những

³⁸ ILO Codes of Practice on occupational safety and health are online at www.ilo.org/public/english/protection/safework/cops/english/index.htm

³⁹ See www.who.int/pcs/index.htm

người sử dụng lao động, người lao động và đại diện của họ cũng như sự việc hợp tác giữa những đối tượng này.

Các tiêu chuẩn đề ra hướng tới phòng tránh các tai nạn và bệnh tật nghề nghiệp chứ không chỉ nhằm quy định các biện pháp phòng tránh.

Chắc chắn, việc thiết lập các quy định vẫn sẽ được tiếp tục trong bối cảnh toàn cầu hoá nền kinh tế. Công tác đảm bảo an toàn và vệ sinh của ILO cũng sẽ phải thay đổi cho phù hợp với các khái niệm mới và khá phức tạp về vấn đề này, chẳng hạn như khái niệm "văn hoá làm việc hay văn hoá an toàn", sự đổi mới của khái niệm "đạo đức nghề nghiệp", và gần đây nhất là sự phát triển của khái niệm "hệ thống quản lý chất lượng" và sự chuyển dịch từ các quy tắc kỹ thuật sang cách tiếp cận hệ thống trong đó yêu cầu phải có một hệ thống quản lý hoạt động hiệu quả.

Vậy những ưu tiên của ILO về an toàn và vệ sinh trong tương lai là gì? Có thể tìm thấy câu trả lời trong kết quả một cuộc điều tra chi tiết về cơ cấu tổ chức của ILO □ gồm chính phủ các quốc gia, người lao động và những người sử dụng lao động - được tiến hành vào năm 2002.

Cuộc điều tra lấy ý kiến phản hồi từ 102 quốc gia thành viên và ngoài ra còn nhận được ý kiến của 47 đại diện của người lao động và sử dụng lao động được gửi đến bằng con đường chính phủ hoặc gửi trực tiếp. Tất cả các khu vực trên thế giới đều có ý kiến phản hồi đối với cuộc điều tra. Câu trả lời của họ cung cấp thông tin rất mới và hữu ích về việc ban hành và thực hiện các quy định pháp luật ở mỗi quốc gia và về tác động của các tiêu chuẩn của ILO.

Kết quả của cuộc điều tra sẽ được đề cập trong báo cáo chi tiết về tình hình thiết lập các tiêu chuẩn về an toàn và vệ sinh lao động của ILO⁴⁰. Báo cáo này sẽ được đưa ra thảo luận tại hội nghị toàn thể của ILO □ Hội thảo về Lao động Quốc tế □ tổ chức vào tháng 6/2003.

Vấn đề nổi bật nhất trong báo cáo và trong cuộc điều tra là tầm quan trọng đặc biệt của việc nâng cao các tiêu chuẩn của ILO và các văn kiện khác biện pháp khác, chẳng hạn như Quy phạm Thực hành và Hướng dẫn.

Các phương tiện hỗ trợ bao gồm hợp tác kỹ thuật và tuyên truyền thông tin. Ủy ban ILO sẽ hỗ trợ việc thu thập thông tin về tình hình ban hành và thực hiện các quy định pháp luật ở các quốc gia thành viên trên cơ sở có tham khảo các công ước và bản bổ sung chưa được thông qua. Việc thực hiện thường xuyên hơn các quy định này có thể góp phần xác định rõ hơn các rào cản đối với việc thực thi các công ước và bản bổ sung và nếu cần để đáp ứng các nhu cầu về sự giúp đỡ kỹ thuật để có thể vượt qua những rào cản này. Hiện tại, tốc độ thông qua các công ước về an toàn và vệ sinh lao động chính của ILO tại các quốc gia vẫn chậm. Tuy nhiên theo cuộc điều tra thì vẫn có nhiều quốc gia sẵn sàng thông qua các công ước này. Các phản hồi đối với cuộc điều tra cho thấy rõ rằng việc thiết lập các tiêu chuẩn của ILO vẫn có ảnh hưởng đến việc ban hành và thực hiện các quy định pháp luật ở những quốc gia mà vẫn chưa chính thức thông qua các tiêu chuẩn đó.

4.4. Các chiến lược

ILO đang theo đuổi hai chiến lược chính nhằm tăng cường việc thực hiện các tiêu chuẩn về an toàn và vệ sinh lao động của mình:

- Giải pháp lồng ghép: tiến hành sắp xếp hợp lý các phương tiện hành động, bao gồm việc thiết lập các tiêu chuẩn, đề ra các quy phạm hướng dẫn, thiết lập sự hợp tác về kỹ thuật, hợp

⁴⁰ ILO: *ILO standards related activities in the area of occupational safety and health – report for a general discussion based on an integrated approach at the 91st session (2003) of the ILC*. Scheduled for publication in April 2003 (Geneva). It will be available online via the ILO site at www.ilo.org A database drawn from the survey results will also be available on the ILO site and on CD-ROM.

tác quốc tế, phân tích các số liệu thống kê và phổ biến thông tin, từ đó tăng cường tính hiệu quả của việc thực hiện an toàn và vệ sinh lao động ở mỗi quốc gia thành viên.

- **Sử dụng các biện pháp tình nguyện, đặc biệt là sử dụng rộng rãi các Hướng dẫn mới về các Hệ thống Quản lý An toàn và Vệ sinh Lao động, ILO - OSH 2001.** Mục tiêu là thiết lập một văn hoá an toàn bền vững ở cấp doanh nghiệp. Các chính phủ có thể tham gia bằng cách hỗ trợ các hệ thống quản lý này và thiết lập một khung quốc gia nhằm phát triển các hệ thống quản lý. Các chính phủ đã được yêu cầu thực hiện vai trò thiết lập các mục tiêu của mình về an toàn và vệ sinh quốc gia.

4.5. Mục tiêu

Mục tiêu của chương trình an toàn và vệ sinh lao động của ILO gồm có:

- Thực hiện các chương trình Công việc An toàn (SafeWork) ở các cấp doanh nghiệp, quốc gia và quốc tế. Một chương trình Công việc An toàn cấp quốc gia bao gồm:
 - Thiết lập và ban hành *chính sách quốc gia* ở mức độ cao nhất có thể. Những người chỉ đạo phải thường xuyên và công khai ủng hộ chính sách.
 - *Chiến lược quốc gia* bao gồm việc đề ra viễn cảnh, các mục tiêu, giới hạn thời gian, việc chỉ định các đơn vị và cá nhân có trách nhiệm và khả năng xác định các nguồn lực phù hợp, liên tục cải tiến và phản hồi.
 - *Kế hoạch làm việc quốc gia hay chương trình hành động.*

Tất cả những vấn đề trên cần được thảo luận và nhất trí trên cơ sở ba bên (người lao động, người sử dụng lao động, chính phủ). Một chương trình quốc gia cần có thể được chia thành các chương trình theo từng ngành hoặc theo từng địa phương.

Chương trình quốc tế của ILO hỗ trợ việc thiết lập và thực hiện các chương trình quốc gia và thúc đẩy việc trao đổi kinh nghiệm giữa 175 quốc gia thành viên của ILO.

Một chương trình ở cấp doanh nghiệp - Hệ thống Quản lý An toàn và Vệ sinh Lao động - được thực hiện tốt theo đúng các nguyên tắc và chỉ dẫn của ILO.

- Một hệ thống ghi chép, thông báo và chỉ tiêu với đầy đủ chức năng để nắm bắt và theo sát tình hình tai nạn, thương tật và ốm đau có liên quan tới công việc.
- Phát triển hệ thống thanh tra lao động hiện đại □ kiện toàn hệ thống cả về mặt chất lượng và số lượng.
- Đánh giá các mục tiêu giảm tai nạn nghề nghiệp và các bệnh liên quan tới công việc bằng cách xác định các nguyên nhân (ví dụ như tỷ lệ tai nạn chết người giảm 20% trong vòng 5 năm có thể xác định từ các nguồn ghi chép đáng tin cậy). Lấy *dữ liệu quốc gia* hay tình hình an toàn và vệ sinh lao động hiện nay là điểm gốc.
- Dần dần mở rộng phạm vi các biện pháp phòng tránh, phạm vi bồi thường cho thương tật và phạm vi các dịch vụ chăm sóc sức khỏe nghề nghiệp cho những người lao động chưa được hưởng, chẳng hạn người lao động trong lĩnh vực nông nghiệp hay trong những ngành không chính thức hoặc trong trường hợp lao động tự do.

Tuy nhiên mục tiêu cuối cùng vẫn là tạo ra môi trường làm việc an toàn và vệ sinh hơn.

Tổng thư ký Liên hợp quốc Kofi Annan đã nói về vấn đề này một cách rất rõ ràng⁴¹: □ *Vấn đề an toàn và vệ sinh cho người lao động là một phần trong vấn đề an ninh nhân loại. Với tư cách là một cơ*

⁴¹ In a speech delivered in New York on 28 April 2002, Workers' Memorial Day.
www.ilo.org/safework.

quan hàng đầu của Liên hợp quốc về vấn đề bảo vệ quyền của người lao động, ILO đang đi đầu trong việc ủng hộ và hoạt động vì sự an toàn và vệ sinh lao động. Công việc An toàn không chỉ là một chính sách kinh tế phù hợp mà còn thể hiện quyền cơ bản của con người”
